

làm thế. Lấy Linh Từ⁽¹⁾ làm vợ là trái đạo vợ chồng, người còn nghĩa không ai là thế, đường đường một vị thiên tử mà làm thiên sư Trúc Lâm, người trí không ai làm thế: Đoan trang con gái nhà vua mà gả cho Chiêm Thành làm vợ, người có lẽ không ai làm thế. Thân đi đón vợ cho con, thế là nhân luân đã rối loạn, yêu chiều con gái kẻ phương hát, thế là tai họa đã nảy mầm. Rong chơi ở vườn ao hậu cung, thế là tâm trí hoang đường, yêu chuộng kẻ quyền thần ngoại thích, thế là chính trị đã ruồng rớt, đạo tu tề trị bình của đế vương hẳn có như thế ru! Bề tôi ở triều thì có Nhật Duật lập công của Hàm Tử, Quốc Tuấn thắng trận ở sông Bạch Đằng, cũng suýt soát với tiếng tốt của Quách Phần Dương, Khấu Lai Công⁽²⁾ cố nhiên đáng {16b} khen. Đến những người hiền như Trần Quang Khải, Phùng Tá Chu, Trần Nguyên Đán, Phạm Ngũ Lão, Đoàn Nhữ Hài, Trương Hán Siêu, Đinh Củng Viên, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Bá Quát mà vua đương thời hoặc có khi không dùng cho nên chính trị không bằng đời cổ là phải. Ngoài ra như Trần Khắc Chung gian tà, Trần Khánh Dư tham bị thì có kể làm gì.

Đại đế nhà Lý, nhà Trần mất nước, tuy do ở cương thường rối loạn nhưng cũng là bởi ở mê hoặc dị đoan: phát tiền kho để làm tượng Phật, xuất đồng kho để đúc chuông lớn, đem giấy kho để viết kinh Phật. Nhà Lý thờ Phật rất kính, thế mà con cháu nhà Lý bị giết ở tay hung hiểm của Trần Thủ Độ mà Phật chẳng cứu nổi. Là thiên tử mà làm đại sĩ, là phi tần mà

(1) Nguyên văn in là "Linh Từ" có lẽ nhầm. Đây nói việc Trần Thái Tông lấy vợ của anh ruột (Trần Liễu) sau tôn là Hiền Từ hoàng thái hậu.

(2) Quách Phần Dương: tức Quách Tử Nghinh, danh tướng đời Đường, Khấu Lai Công tức Khấu Chuẩn, danh tướng đời Tống.

làm khuu ni, là vương chúa mà làm tăng chúng, nhà Trần {17a} thờ Phật hết lòng, thế mà tông thất nhà Trần bị giết ở tay gian trá của Hồ Quý Ly mà Phật cũng chẳng độ được. Thế thì việc thờ Phật có ích gì không?

Còn như Hồ Quý Ly dựa thế thân thích ở hậu cung mà chứa chất tội ác gian thần, thả sức bạo ngược hại dân, lừa dối vua để cướp ngôi báu, tội dầy oán chất, trong nước lia lòng, người Minh vào cướp, thân tù mất nước, chết làm ma đất khách, rớt cục để thiên hạ chê cười. Hồ Hán Thương nổi ngôi soán đoạt, bao chính hại dân, người Minh xâm lăng cõi bờ thất thủ, xã tắc tan hoang. Lưới trời lỏng lẻo, thưa mà không lọt. Than ôi! Lẽ không gì lớn bằng phạt, phạt không gì lớn bằng danh, danh phạt là bờ đê của nước, không thế không cản thận. Danh phạt chính thì cương thường mới lập. Long Đĩnh là em mà giết {17b} anh để cướp nước, ấy là loạn tặc quá lắm mà sử thần vẫn chép là hoàng đế thì danh không chính. Quý Ly là bề tôi giết vua để cướp ngôi, ấy là kẻ gian thần tội mực mà sử thần chép là Tiên Chúa thì phạt không minh. Nếu theo phép của Kinh Xuân Thu định công luận khen chê cố nhiên phải tước danh xằng của Ngọa Triều để trị kẻ nghịch tặc, phải bỏ hiện tiếm của Quý Ly để đánh kẻ gian thần, có thế thì mới chính danh phạt cho đương thời giữ cương thường cho vạn thế, mà sự sai lầm của sử thần mới rửa hết được. Còn như bề tôi trung nghĩa của nhà Trần như các hiền thần Chu Cư Kính, Trần Bình Trọng, Nguyễn Hàn, Trần Tích, Nguyễn Huệ, Đào Kiên, Trần Thực, Lê Thống, Trần Thiện, Phạm Huyền Linh, Lê Á Phụ, Nguyễn Quyết, Nguyễn Văn Nghệ, Nguyễn Kha, Lê Căn, Lưu Thường, Nguyễn Hăng, Hà Đức Lân {18a}, Trần Khát Chân, Lương Nguyên Bưu thì chính khí vẫn còn, tiếng thơm không mất và tiếng khen tiết nghĩa của từng người không thể nhất nhất kể ra hết được. Vì nhà Trần mà lo báo thù,

tấm lòng của Bùi Bá Kỳ cũng như Bao Tư⁽¹⁾, Dự Nhượng⁽²⁾, vì nhà Trần mà xin lập con cháu, tấm lòng của Lê Cảnh Tuân cũng như Cửu Phạm⁽³⁾, Nhân Kiệt⁽⁴⁾, Thư Vạn Ngôn⁽⁵⁾ lòng trung thấu mặt trời, mặt trăng chẳng phải là do sức mạnh của văn chương sao? Sớ thất trăm⁽⁶⁾ nghĩa khí động quỷ thần, chẳng phải là công của đạo nho ta sao? Tiếc rằng vua bấy giờ mờ tối, không biết nghe theo, để đến nỗi chìm đắm, không đủ lấy làm lạ.

Kịp đến Giản Định Đế dời Hậu Trần, lên ngôi trong lúc xiêu dạt, có bọn Đặng Tất, Cảnh Chân hiệp mưu giúp đỡ, hăng nổi nghĩa binh đi đánh giặc Minh, trận đánh Bô Cô cơ hồ khôi phục nhà Trần, đáng gọi là quân nhân nghĩa vậy. Sao lại {18b} nhẹ dạ nghe lời gièm pha, vội giết tướng giỏi mà mau chuốc bại vong. Trùng Quang Đế lên ngôi trong lúc loạn ly, có bọn Đặng Dung, Nguyễn Súy giúp sức cùng mưu tính khôi phục nghiệp đế. Trần Thăng ở Thái Gia tiếng quan lừng lẫy, đáng gọi là việc phục thù. Sao lại trong tướng sớ bắt hòa, bỏ mất cơ hội, đến nỗi nước mất? Than ôi! Đặng Tất, Cảnh Chân vì

(1) Bao Tư: Họ Công Tôn, đại phu nước Sở thời Xuân Thu. Khi quân nước Ngô đánh Sở, Bao Tư sang kinh đô nước Tần đứng khóc bảy ngày để xin quân cứu viện.

(2) Dự Nhượng: Người nước Tấn thời Chiến Quốc, tự sơn mình như người hủi, nuốt than làm người câm, 3 lần đón đường giết Triệu Tương Tử để báo thù cho chú là Trí Bá.

(3) Cửu Phạm: Người nước Tấn thời Xuân Thu, có công giúp công tử Trùng Nhĩ từ nước ngoài về nối ngôi.

(4) Nhân Kiệt: Người đời Đường, có công giúp Trung Đông dẹp bè đảng của Võ Hậu, khôi phục nhà Đường.

(5) Thư Vạn Ngôn: Của Lê Cảnh Tuân

(6) Thất trăm sớ của Chu Văn An.

lời gièm bị giết mà người Minh vào cướp, cũng như Đàn Đạo Tế⁽¹⁾ bị giết mà quân Ngụy xâm lăng, Nhạc Vũ Mục⁽²⁾ bị giết mà quân Kim vào cướp. Bọn xiểm nịnh làm sụp đổ nước nhà, trước sau cùng một lối, người làm vua trong việc dùng người bỏ người, không thể không cẩn thận.

Nhuận Hồ đã bị bắt, Hậu Trần cũng mất theo, đất nước bị xé nát hơn buổi cuối nhà Chu. Quan lại pháp lệnh tàn khốc, hình phạt nặng nề, còn thảm hơn khi nhà Tần sắp mất. Từ đây người Minh thả sức bạo ngược {19a} dân sinh lâm than, chưa có lúc nào hơn lúc ấy.

May mà đạo trời muốn trở lại, lòng dân thuận theo, kính nghĩa: Quốc triều Thái Tổ Cao hoàng đế tư chất trí dũng như Thành Thang nhà Ân, dấy quân nhân nghĩa Chu Vũ vương, thu dùng hào kiệt, quét sạch khí tà, tuy tướng Minh dữ tợn như bọn Liễu Thăng, Lương Minh, đều thua trận xả thân, giáo quyết như lũ Thôi Tụ, Hoàng Phúc, cùng kẻ cũng chịu trôi. Loạn lạc hơn hai chục năm, một sớm đẹp yên non sông nhờ dấy đổi mới, đất nước nhờ đấy bình yên, là bởi Thái Tổ Cao hoàng đế, trí dũng khoan nhân, vua tôi hợp lòng đức mà được như vậy {19b}. Hãy xem Thái Tổ thân vũ không giết người ấy là lòng của trời đất; Tơ hào không phạm của dân ấy là lượng của trời đất. Thu nuôi lưu dân các lộ ấy là lòng nhân của trời đất. Tha về mười vạn hàng binh ấy là đức của trời đất. Có lệnh cử người hiền, ấy là Thành Thang chọn người hiền không hạn phương nào; có chiếu dụ bảo kẻ hàng tức như tám việc chính

(1) Đàn Đạo Tế: Tướng nhà Tống thời Nam Triều (Trung Quốc) có công Đánh Tần, đánh Ngụy, nhưng sau bị vua Tống giết.

(2) Nhạc Vũ Mục: Tức Nhạc Phi, trung thần của nhà Tống.

sự của Vũ Vương lấy nghề nông làm chính⁽¹⁾; chân dân có lệ, ấy là Vũ Vương võ yên bốn phương. Dự quân chính mười điều, tỏ rõ luân thường phụ tử. Thân trọng hình phạt là căn thủ chữ tín của hiệu lệnh, kết hiệu nước Minh là giữ gìn lễ bang giao với láng giềng. Còn như dựng Thái Miếu để thờ tiên tổ, lập học hiệu là để nhân luân. Bình Ngô {20a} đại cáo không câu nào không là lời nhân nghĩa, trung tín, Lam Sơn thực lục không chỗ nào không là đạo tu tề trị bình. Bình định được trời đất của Đại Việt, đặt vững được xã tắc của Hoàng triều, các đời Triệu, Đinh, Lý, Trần làm sao sánh kịp. Thế mới biết đế vương là nghiệp lớn, cương thường là đạo chính. Cương thường lập thì nghiệp lớn của đế vương mới thành, nhân nghĩa tỏ thì ngôi báu của thiên hạ mới định. Vua Thang, vua Vũ, suy lòng nhân nghĩa rạng danh quân nhân nghĩa. Lấy được thiên hạ do chính nghĩa, giữ được thiên hạ do đức nhân, cho nên đạt đến sự hữu đạo lâu dài. Kính nghĩa: Thái Tổ Cao Hoàng Đế, lấy thiên hạ ở giặc Minh cường bạo, ấy là được thiên hạ rất chính đáng, giữ thiên hạ dùng nhân, ắt là càng phải duy trì thiên hạ bằng nghĩa, lấy nhân để cố {20b} kết, lấy trí để xét soi, lấy tín để khuôn phép, đạo tu tề trị bình có thể sánh Cao với Đường Ngu, Tam Đại, để cho cơ nghiệp được lâu dài. Cơ nghiệp đến ức vạn năm cố nhiên không phải một ngày mà có thể tích lũy được.

Ngày nay, Hoàng thượng bệ hạ khôi phục cơ đồ to lớn của Thái Tổ Cao Hoàng Đế, nối phép hay của Thái Tổ Cao Hoàng

(1) Nguyên văn: “Dụng nông bát chính” tám việc chính sự ấy là: 1) Thực (ăn); 2) hóa (tiên của); 3) Tụ (cúng tế); 4) Tư không (quan giữ đất); 5) Tư đồ (quan giữ lễ giáo); 6) Tư khấu (quan coi trộm cướp); 7) Tân (tiếp tân khách); 8) Sư (quân lính) (Kinh thư, Hồng Phạm). Trong tám việc đó, nhà nông cấy cấy để có thóc gạo ăn là việc chính sự quan trọng bậc nhất).

Đế, đặc sai thân làm bài Tổng luận cho sách Việt giám thông khảo là có ý nâng cao đạo cương thường của trời đất, làm rõ gốc trị loạn của đế vương, cũng là thuật lại việc sáng nghiệp khó nhọc của Thái Tổ Cao Hoàng Đế, để cho thiên hạ đời sau xem đọc mà không quên. Cúi xin {21a} Hoàng đế bệ hạ khi rảnh rang sau muôn việc giảng rõ đạo trị nước, đọc các việc của Triệu, Đinh, Lý, Trần thì biết được mệnh trời, lòng người mất hay còn, hiểu rõ quốc thống cơ đồ hưng hay phế, phân biệt quân tử, tiểu nhân tiêu hay trường⁽¹⁾, xét rõ khí số phong tục thịnh hay suy, do đó mà chính sự của các triều đại hay dở thế nào có thể biết rõ được. Đọc sự tích sáng nghiệp của Thái Tổ Cao Hoàng Đế bản triều thì nghĩ đến sự mền mạt nằm gai xiết bao lo nghĩ. Nhớ đến công gọi mưa chải gió làm nổi gian truân, xét mưu kế hay nhất để trị dân giữ nước, mở cơ đồ lâu dài để trị nước chân dân, mà quy mô xa rộng của thánh triều có thể thấy rõ được. Từ đó học thánh càng {21b} thêm cao sáng, cõ thánh càng thêm sâu xa, đạo trị càng thêm tôn thịnh, để vì trời đất mà lập đạo tâm, vì cương thường mà lập giới hạn, vì sinh dân mà lập vận mệnh, mở nền thái bình cho ức vạn đời, để cho thế nước vững như Thái Sơn bàn thạch, để đặt sinh dân lên chiếu đệm ấm êm mà cơ đồ sự nghiệp to lớn của đế vương cùng với trời đất dài lâu mãi mãi.

Năm Giáp Tuất niên hiệu Hồng Thuận thứ 6 (1514) tháng Trọng Thu.

Tứ giáp Thìn khoa (1484) tiến sỹ, đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu, thiếu bảo. Lễ bộ thượng thư đồng các đại học sỹ kiêm Quốc tử giám tế tửu, trí kinh diện sự Đôn Thư bảo trụ quốc, thân Lê Tung kính cẩn vâng theo sắc chỉ mà soạn.

(1) Dẫn ý trong Kinh Dịch. Quẻ Thái: “Quan tử đạo trường, tiểu nhân đạo tiêu” (Đạo của quân tử ngày càng lớn, đạo của tiểu nhân ngày càng mòn).

**VĂN BIA, THẦN PHẢ
TRUYỆN KÝ, TRUYỆN DÂN GIAN**

BIA SỐ 11

BÀI KÝ ĐỀ TÊN TIẾN SĨ KHOA TÂN MÙI NIÊN HIỆU HỒNG THUẬN NĂM THỨ 3⁽¹⁾

Trời mở vận trung hưng⁽²⁾, năm gặp kỳ đại ty⁽³⁾. Mùa xuân niên hiệu Hồng Thuận năm thứ 3. Bộ lễ tra cứu lệ cũ, họp các học trò giỏi trong nước cho trở tài trong trường thi, chọn được 107 người ưu tú. Ngày tháng tư, Hoàng thượng thân hành ra bài hỏi về đường lối trị nước xưa nay.

Sai bề tôi là Lê Quang Độ, Suy trung tán trị Minh nghị, Khiêm cung công thần, Đặc tiến khai phủ Kim tử vinh lộc đại phu, Bình chương quân quốc trọng sự, Tổng thống quốc chính. Thái tử thái sư quốc công, Thượng trụ quốc làm Đề điệu⁽⁴⁾; bề tôi là Trình Chí Sâm, Phụng trực đại phu, Công bộ Thượng thư, Tư chính thượng Khanh làm Tri cố cử⁽⁵⁾; bề tôi là Phạm Hạo, Gia hạnh đại phu, Hộ bộ Tả thị lang, Khuông mỹ doãn⁽⁶⁾ và bề tôi là Đặng Minh Khiêm Lại bộ Tả thị lang, Triều liệt đại phu, Tu thận doãn làm Giám Thi⁽⁷⁾ cùng các quan chức khác mỗi người giữ mỗi việc.

Ngày hôm sau, các quan đọc quyển là Nguyễn Bá Nhậm, Phụng trực đại phu, Lễ bộ Thượng thư, Tư chính Thượng khanh; Nguyên Thi Ung, Phụng trực đại phu, Thượng thư Ngự sử đài ngự sử, Tư chính thượng khanh và Đỗ Nhạc, Phụng trực đại phu, Thượng thư, đồng các đại học sĩ, Nhập thị thi kinh, Tư chính thượng khanh bưng quyển lên đọc. Nhà vua thân

hành xét duyệt, định thứ bậc cao thấp, cho bọn Hoàng Nghĩa Phú 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ; bọn Bùi Doãn Hiệp 9 người đỗ Tiến sĩ xuất thân và bọn Trần Doãn Minh 35 người đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân.

Ngày mồng 4 tháng 5, Hoàng thượng ngự ở điện Kính Thiên, cho xướng tên những người đỗ. Các quan mũ áo châu vào mừng. Bộ Lại ban ấn mệnh nhà vua. Bộ Lễ mang bảng vàng treo ngoài cửa nhà Thái học⁽⁸⁾.

Lại cấp cho xiêm áo, mũ đai và cho dự yến. Thế là lễ nhạc đã ngộ người hiền đều đầy đủ. Lại đặc cách sai quan Dương vũ hiệp mưu, Đông đốc hiệu trung Khai quốc công thần, đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tán lý Hiệu thuận Khai phủ nghi đồng tam ty, Bình Chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc Thừa tướng, Thượng tế Thái phó Nghĩa quốc công, Thượng trụ quốc⁽⁹⁾ là Nguyễn Văn Lang sửa lại nhà Quốc học, dựng thêm hai nhà bia ở hai bên đông tây; sai quan Tá lý công thần⁽¹⁰⁾, đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu, Công bộ Thượng thư chương bộ sự, tri Hiến Phúc Uy quân công Thượng trụ quốc là Nguyễn Bá Lân đơn đốc việc làm bia đề tên và sai từ thần⁽¹¹⁾ soạn bài ký. Bề tôi xin chấp tay cúi đầu dâng lời như sau:

Trời đất sinh muôn vật tất phải nhờ có bốn mùa mới thành công. Đế vương chăm sóc muôn phương tất phải tìm nhiều người hiền để giúp việc. Cho nên, nhà Ngu không bỏ sót người hiền⁽¹²⁾ ở thôn dã mới tiến lên cõi thái bình, nhà Chu có được nhiều người giỏi⁽¹³⁾ ở triều đình mới tiến tới cảnh thịnh vượng. Xuống đến các đời Hán, Đường, Tống những vua chăm lo trị nước không ai không coi việc dùng người hiền, kén kẻ sĩ là công việc cần làm trước tiên.

Kính nghĩa. Thánh triều ta:

Vua Thái Tổ Cao hoàng đế dùng võ công yên thiên hạ, lấy văn đức tiến tới thái bình, bắt đầu dựng nhà quốc học cho nên việc văn giáo ngày được mở mang.

Vua Thái Tông Văn hoàng đế nối mưu mô xưa, giữ nên cũ, nuôi dưỡng kẻ anh tài, do đó mà văn phong phấn chấn.

Vua Thánh Tông Thuần hoàng đế chinh, đốn quyền bính nhà vua, sửa sang văn hóa nhà nước, đạo đức sáng suốt, học vấn cao siêu, chăm lo gây dựng nhân tài, do đó các bậc chân nho xuất hiện.

Vua Hiến Tông Huệ hoàng đế gặp được vận hanh thông, mở thêm nền giáo hóa, kén dùng những người tài giỏi, do đó nhân tài tiến lên.

Kính thấy Hoàng thượng ngày nay, đương buổi trời người hợp ý, làm cho dân cả nước yên vui, tôn trọng nho phong, tới nhà học giảng đạo. đến năm Tân Mùi là năm có khoa thi thứ nhất đời Trung Hưng, đức vua nghĩ rằng: hiền tài là nguyên khí của nước nhà, cần phải bồi bổ nhiều hơn; khoa mục là điển lệ của triều đình, cần phải cử hành trước hết, những người hào kiệt thường do đây mà tiến lên. Nhà Đường kén được Hàn Kỳ⁽¹⁶⁾ nên dựng được cảnh trị an cả nước vững tựa Thái Sơn. các triều đại khoa cử chọn được nhiều người tài giỏi bổ ích cho công cuộc trị nước, có quan hệ hệ trọng như thế đây.

Thánh thượng lo tính sâu xa, đã tùy nghi đặt kế hoạch. Đối với những người đỗ khoa này đặc ơn cho làm các chức ở Tòa Hàn lâm hay Viện đô sát và đài giám sát, trách nhiệm rất rõ ràng, chế độ rất đầy đủ. Lại có sổ Đăng Khoa, có bia để tên lưu tiếng thơm vào sử sách, tỏ sự nghiệp đến muôn đời.

Những người học trò này được ghi tên trong bia ấy, may mắn biết bao! Nếu biết giữa mài lòng trung nghĩa, giữ vững tính kiệm cần, để thành người trung hiếu trạng nguyên, người

kim ngọc quân tử, thì mai sau các học trò nhà Thái học sẽ chỉ vào tên mà nói: “người này là người hổ bảng⁽¹⁷⁾, người này là bậc kỳ anh⁽¹⁸⁾ mà khuyến khích người giỏi rất nhiều. Nếu ai ngoài là ngọc mà trong là đá, tiếng như phượng hoàng mà cánh tựa điều hâu, bẻm mép như cột bôi mỡ⁽¹⁹⁾ mềm mại như nhân đeo tay⁽²⁰⁾, thì người đời sau sẽ chê rằng: kẻ ấy học lối xiên lệch giống như Công Tôn Hoàng, kẻ này phản lại kinh điển giống như Vương An Thạch, răn đe kẻ xấu thật nhiều vậy! Cho nên bia này lập ra, trong việc khen thưởng còn có ngụ ý khuyên răn nữa.

Rõ rệt thay những khuôn phép dùng người hiền của các vua đời trước! Đúng đắn thay những mẫu mực dùng người hiền của Hoàng thượng ngày nay!

Thực là: vì việc trời đất sinh người hiền mà lập tâm, vì việc nước nhà dùng người hiền là lập pháp, vì thiên hạ muốn ngàn đời sau mà mở cảnh thái bình, ý nghĩa lập bia là ở chỗ ấy. Bê tôi xin cẩn viết bài ký.

Bê tôi là Lê Tung, đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu, Thiếu bảo, Lễ bộ Thượng thư, Đông các đại học sĩ Kiêm Quốc tử giám Tế tửu, Tri kinh diên sự⁽²¹⁾ Đôn thư bá Trụ quốc vâng sắc soạn.

Bê tôi là Ngô Ninh, Triều liệt đại phu, Trung thư giám Trung thư xá nhân Tu thận doãn⁽²²⁾ vâng sắc viết.

Bê tôi là Nguyễn Huệ, Lễ bộ Tả thị lang hành Kim quang môn đãi chiếu Tri Thượng bảo giám các cục sự vâng sắc viết triện.

Bia lập ngày 15 tháng 3 niên hiệu Hồng Thuận năm thứ 5⁽²³⁾. Cho đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 3 người:

- Hoàng Nghĩa Phú: xã Ngô Xá, phủ Ứng Thiên.
- Trần Bảo Tín: huyện Nghi Xuân, phủ Đức Quang.

- Vũ Duy Chu: huyện Sơn Minh, phủ Ứng Thiên.
- Cho đỗ đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 9 người:
- Bùi Doãn Hiệp: huyện Phù Vân, phủ Thường Tín.
 - Nguyễn Hy Tài: huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn.
 - Lê Tài: huyện Đường An, phủ Thượng Hồng.
 - Nguyễn Duy Tường: huyện An Lãng, phủ Tam Đái.
 - Mai Bang: huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn.
 - Đào Khắc Cản: huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn.
 - Phan Chính Nghị: huyện Nghi Xuân, phủ Đức Quang.
 - Nguyễn Dục: Huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn.
 - Phạm Vĩnh Toán: huyện Gia Phúc, phủ Thượng Hồng.
- Cho đỗ đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân 35 người:
- Trần Doãn Minh: huyện Bình Hà.
 - Lê Bá Khanh: huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên.
 - Thái Cảnh: huyện Lộc, phủ Đức Quang.
 - Trần Bích Hoàn: huyện Duy Tiên, phủ Lý Nhân.
 - Ngô Sĩ Kiên: huyện Trì, phủ Thường Tín.
 - Đào Xuân Vị: huyện Thanh Lâm, phủ Nam Sách.
 - Dương Khải: huyện Vũ Ninh, phủ Từ Sơn.
 - Nguyễn Ý: huyện Giao Thủy, phủ Thiên Trường.
 - Đàm Sâm: huyện Văn Lãng.
 - Kiều Văn Bá: huyện Phúc Lộc, phủ Quốc Oai.
 - Nguyễn Quang: huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn.

- Nguyễn Thì Khắc: huyện Lập Thạch, phủ Tam Đái.
- Ngô Cương Trung: huyện An Phú, phủ Từ Sơn.
- Trần Viết Thứ: huyện Thạch Hà, phủ Hà Hoa.
- Nguyễn Hữu Quang: huyện Lương Tài, phủ Thuận An.
- Nguyễn Huyền: huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên.
- Nguyễn Vô Địch: huyện Gia Định, phủ Thuận An.
- Nguyễn Bạt Tuy: huyện Lương Tài, phủ Thuận An.
- Ngô Đĩnh Trực: huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn.
- Phạm Nguyên: huyện Đường An, phủ Thượng Hồng.
- Tạ Đình Huy: huyện Duy Tân, phủ Lý Nhân.
- Lã Thế Nghiệp: huyện Thuần Hữu, phủ Hà Trung.
- Đào Trung Hòa: huyện Lương Tài, phủ Thuận An.
- Đoàn Văn Thông: huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên.
- Nguyễn Thái Hoa: huyện Thanh Lâm, phủ Nam Sách.
- Quách Thu Ứng: huyện Tiên Lữ, phủ Khoái Châu.
- Nguyễn Duệ: huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên.
- Nguyễn Mậu Thuật⁽²⁴⁾: huyện Chí Linh, phủ Nam Sách.
- Nguyễn Thu: huyện Lương Tài, phủ Thuận An.
- Lê Vô Cương: huyện An Lãng, phủ Tam Đái.
- Nguyễn Văn Đàm: huyện Kim Thành, phủ Kinh Môn.
- Vũ Phi Hổ: huyện Hoàng Phố, phủ Hải Đông.
- Lương Đức Mậu: huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồ.
- Nguyễn Mạo: huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân.
- Nguyễn Kiều: huyện Đông An, phủ Khoái Châu.

1. Khoa Tân Mùi, niên hiệu Hồng Thuận năm thứ 3: năm đời Lê Tương Dực
2. Trung Hưng: nhà Lê đến đời Uy Mục ngôi vua đã suy, thiên hạ nổi loạn. Lê Tương Dực giết Uy Mục lên ngôi vua gọi là Trung Hưng. Nhưng các nhà sử học thường coi Trung Hưng của nhà Lê là từ Lê Trung Tông đánh nhà Mạc.
3. Đại ty: xem chú thích 2 bìa số 5.
4. Đề điệu: xem chú thích 10 bìa số 1.
5. Tri cống cử: phó chủ khảo trong kỳ thi Hội.
6. Khuông mỹ đoãn: cấp bậc phong các quan Chánh tứ phẩm. Trụ quốc, khanh và đoãn là những bậc chỉ phong cho người có công từ Ngũ phẩm trở lên.
7. Tu thận đoãn: cấp bậc phong cho các quan trật Chánh ngũ phẩm.
Giám thí: xem chú thích 12 bìa số 1.
8. Thái học: Trường học cao nhất trong cả nước. Cũng là Quốc tử giám Thừa tướng, Thượng tể Thái phó Nghĩa quốc công, Thượng trụ quốc:
 - Tá lý. Hiệu thuận là 2 trong 24 hiệu dùng để vinh phong cho công thần. Người được phong cao nhất không quá 4 hiệu, tức 8 chữ.
 - Theo quan chế nhà Hán, phải là bậc Tam công (cũng gọi là Tam ty) mới được lập phủ. Về sau Khai phủ nghi đồng Tam ty trở thành 1 cấp quan hàm cho các quan hàng nhất phẩm. Năm 975 vua Tống đã từng phong cho Đinh Liễn hàm Khai phủ đồng tam ty.
 - Bình chương quân quốc trọng sự: thời Lý đã đặt và phong cho Lý Đạo Thành, vị trí trên cả Tể tướng. Đầu thời Lê đặt Tướng quốc, gia phong Bình chương quân quốc trọng sự.
 Năm Hồng Thuận thứ 2 (1510) đặt lại, có danh Thái tể Thái sư gia phong Bình chương quân quốc trọng sự. Năm 1512 phong cho Nguyễn Văn Lang chức này tức là chức đứng đầu triều.
 - Thượng trụ quốc: cấp bậc phong cho các quan trật Chánh nhất phẩm. Như vậy Nguyễn Văn Lang là quan có hàm, trật chức tước tốt đỉnh của triều Lê. Tệ chuyên quyền lại sinh ra từ đây.
10. Tá lý công thân: Tá lý là 1 trong 24 hiệu phong cho công thân.

11. Từ thân: người giỏi văn học từ chương, ý chỉ các quan viên Hàn lâm.
12. Không bỏ sót người hiền: vua Thuán cát nhắc được nhiều người giỏi nên được khen là không bỏ sót người hiền.
13. Có nhiều người giỏi: thơ Quyên A. Kinh Thi có câu: đập diều, nhà vua có nhiều người giỏi. ý ca tụng Chu Thành Vương có nhiều người giỏi giúp việc.
14. Phòng Kiêu: tức Phòng Huyền Linh, Tiến sĩ, làm Tể tướng, giúp Đường Thái Tông xây đời thịnh trị.
15. Trịnh Quán: hiệu vua Đường Thái Tông từ năm 627 đến 649.
16. Hàn Kỳ: đỗ Tiến sĩ, làm quan trái 3 đời Tống Nhân Tông, Tống Anh Tông, Tống Thần Tông, trung thực dám nói, dám làm, nhà Tống nhờ Kỳ mà vững bền.
17. Hồ bảng: Bảng đề tên Tiến sĩ. Cũng gọi là Long hồ bảng.
18. Kỳ anh: từ tôn kính gọi người học giỏi, đức tốt và tuổi cao.
19. Cột mỡ: mồm mép nói phải làm trái trơn tuột như cột bôi mỡ.
20. Nhấn đeo tay: chỉ kẻ trước kiên cường mà sau nhu nhược như kim loại cứng phải uốn cong theo ngón tay.
21. Tri kinh diên sự: quan phụ trách tòa Kinh diên nơi giảng sách cho nhà vua.
22. Triều liệt đại phu: vinh hàm phong cho các quan trật Tông tứ phẩm.
23. Hồng Thuật năm thứ 4: năm 1513.
24. Nguyễn Mậu Thuật: sách Lê triều đăng khoa lục chép là Nguyễn Mậu Đạt.

ĐỀN CAO SƠN

Địa điểm hiện nay: làng Kim Liên, gần khu tập thể Kim Liên, phủ phố Đống Đa, Hà Nội (xưa là phường Đông Tác, huyện Thọ Xương). Tương truyền thần Cao Sơn là con Lạc Long Quân và là một trong 50 người con theo cha lên núi và được thờ là vị thứ 2 trong đền núi Tản Viên. Nguyên đền thần ở huyện Phụng Hóa, Thanh Hóa (thuộc huyện Nho Quan, tỉnh Hà Nam Ninh). Thần được coi đã ngầm giúp vua Lê Tương Dực dẹp loạn ở Đông Đô, nên năm 1509 được lập đền ở phường Kim Liên Thăng Long, đền được liệt vào một trong “Tứ Trấn”. (Xem *Hoàng Việt địa dư và đại Nam nhất thống chí*)

Tổng số bia: 1

Tuyển dịch: 1

35

BÀI MINH KÈM THEO BÀI TRẦN THUẬT⁽¹⁾
TRÊN BIA ĐỀN THẦN CAO SƠN ĐẠI VƯƠNG
(CAO SƠN ĐẠI VƯƠNG THẦN TỬ BI MINH TÍNH TỰ)
SỐ 1025 - 1026

Mảng nghe: bậc đế vương dấy đạo nhân nghĩa, cứu sinh mạng nhân dân, trừ hoạch lớn lao, tính toán sâu rộng, nhằm

(1) Nay là phường Phương Liên. Tấm bia do Lê Tung soạn vẫn được bảo tồn tương đối nguyên vẹn

mở ra một cơ đồ hùng vĩ. Làm nên được công trạng và sự nghiệp lớn là có đạo đức lớn, nên được trời cao giúp đỡ, thần minh tán trợ, chứ đâu phải ngẫu nhiên. Do đó Vũ Vương sáng lập nhà Chu⁽¹⁾, tất nhờ vào sự giúp đỡ đắc lực của thần linh sông núi, Quang Vũ khôi phục cơ nghiệp nhà Hán⁽³⁾ là được sự ủng hộ ngầm ngầm của các vị phụ lão áo trắng⁽⁴⁾.

Lúc Thánh tổ Cao Hoàng Đế (Lê Thái Tổ) nước Đại Việt mới khởi nghĩa, được các vị thần linh nổi tiếng hết lòng giúp đỡ, đó há chẳng phải là trời đất mến chuộng người chí nhân, quỷ thần soi thấu người có đức hay sao? Sau đó, đền miếu liên được xây dựng, lễ lớn được sắp đặt, điển lệ sáng ngời truyền mãi đời sau. Mùa xuân, mùa thu cúng tế đều nhằm báo đáp công lao của thần và mong cầu phúc, linh ứng rõ ràng, từ xưa đến nay đều như vậy.

Gần đây Lê Mẫn⁽⁵⁾ thất đức, hung bạo, càn rỡ. Kẻ ngoài thích chuyên quyền, bọn nội giám can dự vào chính sự, khiến cho hàng triệu thường dân bị khốn khổ, tông thất và phiên thân bị giết hại. Thần oán, người giận mà không biết, quân chúng chống lại, người thân chia lìa, mà không hay.

Bấy giờ có các vị thần thuộc của Trường Lạc điện chỉ vợ Lê Thánh Tông, mẹ Hiến Tông là: Dương vũ hiệp mưu, Đồng đức hiệu trung Khai quốc công thần, Đặc tiến kim vinh lộc đại phu, Tán lý Hiệu thuận, Khai phủ nghi đồng Tam Uy Bình chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc thừa tướng, Thượng tể, Thái phó Uy quốc công Nguyễn Bá Lân; Dực vận công thần, đặc tiến Phụ quốc thượng tướng quân, Tả đô đốc, Kim ngô vệ, đô chỉ huy sứ ti Đô chỉ huy sứ chương vệ sự, An Hòa hầu Nguyễn Hoàng Dụ; Quan tiến Trấn quốc đại tướng quân, Tả kiểm điểm, Tham đốc hiệu lực, Tứ vệ quân vụ sự Nguyễn Văn Lữ.

Ba người này phụng mệnh đem quân đi chinh phạt, đồng lòng thờ vua tập hợp người tài giỏi, huy động dân binh, đem cờ tiết mao trắng, búa hoàng kim⁽⁶⁾ cứu vớt dân chúng khỏi cảnh lầm than đắm đuối.

Bọn Văn Lữ đi đến huyện Phụng Hóa. Nơi đây núi rừng rậm rạp, một dải mênh mông, có vũng sâu tên là Lâm rộng khoảng một mẫu, sâu thẳm vô cùng, phía trên có ngôi đền, mái lợp tranh. Trong đền, dựng tảng đá có đề chữ “Cao Sơn đại vương”. Bọn Văn Lữ trông thấy lấy làm kinh dị, bèn khấn cầu: “Đoan Khánh⁽⁷⁾ tào ngược, dân không sống nổi. Mệnh trời và lòng người đều hướng về kẻ có đức. Thánh thượng hiện nay là cháu Thánh Tông, con Kiến Hoàng⁽⁸⁾, nghĩ tới gian lao của tổ tiên dựng nghiệp, thương triệu dân bị khốn cực, nên phải mưu việc xã tắc, dấy đạo quân trừ khử bạo tàn. Bọn Văn Lữ chúng tôi cùng giúp vua thánh minh, đem lại an ninh cho thiên hạ. Nếu thần linh thiêng, xin phù hộ từ cõi âm, ngầm giúp thành nghiệp lớn. Đến ngày thành công, bọn Văn Lữ chúng tôi sẽ xin lệnh triều đình suy tôn rạng rỡ, để tỏ rõ công ơn của thần”.

Khấn xong, ổn định đội ngũ, tề chỉnh kéo đi, bẻ tôi và dân chúng bốn phương không hẹn nhau mà tự hội lại, đem thức ăn tới khao đón quân vua. Quân sĩ không phải gian lao máu dầy mũi dao, dân chúng được thỏa lòng mong ước như nắng hạn gặp mưa rào. Quét sạch bọn hung đồ, xua tan bóng giặc nơi cung cấm. Chuông đỉnh muôn thưở càng dài lâu, uy linh miếu bền mãi mãi. Ba mối giềng, chín phép lớn trị thiên hạ⁽⁹⁾, nhờ đó mà được chinh đốn. Nghiệp vua vận nước nhờ đó mà trở lại bình yên. Không đầy một tuần (10 ngày)⁽¹⁰⁾ đã thành công nhanh chóng như vậy, có lẽ do đạo đức của bậc vua thánh vốn gây được niềm tin, trời và người đều hưởng ứng mà quý thần cũng có phần giúp sức đó chăng?

Năm đó, ngày 2, tháng 12 vua lên ngôi báu⁽¹¹⁾, vỗ về chăm sóc mọi nơi ban bố chính lệnh, thi hành điều nhân, để muôn họ sống yên vui trong tình thương mến; định lễ xứng đáng, phẩm trật đều khắp, để bách thần vui vẻ với mình. Bọn Văn Lữ ngựa trông công lao lớn hoàn thành, nghĩ đến công ơn của thần ngài sáng, bèn đem sự việc tâu lên. Vua bèn ra lệnh cho huyện quan Phụng Hóa đôn đốc quân đội dựng đền, và sai bộ công làm bia. Lại sai bọn thần soạn văn bia để lưu truyền mãi mãi.

Bọn bề tôi vốn ngu đốt nông cạn, đâu đủ tài để tán dương được sự cao cả của công nghiệp thánh hoàng và phát huy được lẽ huyền diệu của thần minh cảm ứng! Nhưng vì lời chiếu sáng suốt đã ban ra, đâu dám không tuân theo, mệnh lệnh tốt đẹp, và nêu rõ cho mọi người đều thấy.

Bọn bề tôi thiết nghĩ: Có đức ắt được mệnh trời, đó là lẽ cố định xưa nay.

Huyền vi mà có thể hiển hiện, đó là đức tốt của Quý thần. Vì thế dựng nên sự nghiệp phi thường, tuy rằng cơ bản là do đạo đức của đế vương, nhưng góp công hoàn thành sự nghiệp phi thường, cũng nhờ ở sự giúp đỡ của thần minh: Cõi âm cõi dương cùng chung một lý, cảm ứng cơ mầu; giữa trời và người, liên quan với nhau như thế đấy. Nên phải dựng đền đài to đẹp, sớm hôm hương khói, để báo đền công ơn của thần. Lại ghi phẩm trật trong sổ sách phụng thờ, khắc sự tích vào bia đá, để làm sáng rõ sự cảm ứng linh thiêng.

Nghĩ rằng Thần vốn do chính khí của trời đất bẩm sinh, khí tinh anh của núi sông hun đúc, ngầm giúp cơ đồ, mãi mãi phò ngôi báu, vĩnh viễn gìn giữ điều tốt lành, đạt nên phúc lớn vô cùng tận. Như vậy núi này sẽ cùng trời đất dài lâu đẹp thay, vui sướng thay!

Bài minh như sau:

Núi kia rậm rạp,
Cây cối xanh xanh.
Hun đúc đẹp lạ,
Mọi vẻ tốt lành.
Đầm phồ làn biếc,
Nước xanh rõ ràng.
Sâu lặng khó lường,
Bàng bạc muôn phương.
Núi cao suối chảy,
Thần linh ẩn tàng.
Rộng thay bốn phía,
Vũ trụ mệnh mang.
Nhìn kỹ trong vùng,
Có một ngôi đền.
Cột tre mái cọ,
Phiến đá đề tên.
Cao Sơn lừng danh,
Vòi vọi uy linh.
Hể cầu là ứng,
Ban khắp ơn lành.
Thời gặp vận rủi,
Trời sinh thánh minh.
Tây Đô dấy binh,
Vua cầm mao việt.
Danh tướng uy nghiêm,
Nghĩa dân vũ dũng.

Mài chí trừ giặc,
Cầu khẩn thần linh:
“Giúp xong việc lớn,
Lễ cả đền ơn.
Phảng phát giáng lâm,
Thiên liêng chứng giám.
Uy danh giúp công,
Bão rung chớp giạt.
Mừng thấy cầu vồng,
Cờ bay gió phát.
Chưa quá một tuần,
Đất trời quang đãng.
Công sức nhờ ai?
Ơn thần oai giáng.
Đáp đền công lớn,
Tờ mây tâu lên
Trình bày công trạng,
Ghi lòng không quên.
Cửu trùng ung thuận,
Ý đẹp lòng thành.
Mai rùa quẻ bói,
Trai giới ngày lành.
Lời nguyện rành rọt,
Cần gấp cử hành.
Lệnh truyền quan huyện,
Kíp sửa đền đài.
Hợp thợ, gom vật,

Xây đền đẹp sang.
 Xà kèo rường cột,
 Cao lớn huy hoàng.
 Tôn nghiêm miếu mạo,
 Ngồi sáng linh quang
 Thơm ngát lửa hương
 Không đời năm tháng
 Có bia đá lớn,
 Kính cẩn ghi công.
 Xuân thu tế lễ.
 Triệu Lý, lệ Chung⁽¹²⁾.
 Hương bay danh rạng,
 Giúp nước hưng long.
 Ngàn năm ban phúc
 Mọi chốn huy phong (gió lành)
 Miếu đền bền vững,
 Rạng rỡ không cùng.

Hồng Thuận nam thứ 3, canh ngọ (1510), ngày lành, tháng 8, Quang tiến thân lộc đại phu, Thiếu bảo, Thượng thư bộ Lễ, Đông các đại học sĩ, kiêm Tế tửu Quốc Tử Giám, trông nom việc Kinh diên, bề tôi Lê Tung vâng sắc soạn⁽¹³⁾.

Hiển cung đại phu, Trung thư xá nhân ở Trung thư giám, bề tôi Đỗ Như Chi kính viết.

Thí yên bí doanh tạo sở, San thư tượng tượng phó, bề tôi Bùi Ngữ Dịch kính khắc.

Bia dựng ngày 1, tháng trọng thu, năm Nhâm Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33 (1772).

- (1) Trần thuật: nguyên văn “tự”, một thể văn trình bày những điều đặc ý của mình về một cuốn sách. Chữ “tự” sau này dùng theo nghĩa hẹp, chỉ bài biết ở đầu sách, tức bài tựa.
- (2) Nguyên văn “Thượng Cơ”, chưa rõ ý nghĩa chữ “Thượng”, còn chữ “Cơ” là họ của Chu Vũ Vương.
- (3) Nguyên văn “Xích tộ” (ngôi Vua đỏ). Lưu Bang sáng lập nhà Hán, theo truyền thuyết là con của Xích đế (Vua đỏ), đã chém chết con rắn trắng trước khi khởi nghĩa.
- (4) Nguyên văn: “Bạch y phụ lão”, chưa rõ điển tích.
- (5) Năm 1509, Giản Ty công (vua Tương Dực) giáng vua Uy Mục xuống làm Mậu Lệ công.
- (6) Nguyên văn “Bạch mao hoàng việt”, chữ trong Kinh Thư (Mục thệ), “Vương tá trưng hoàng việt, hữu bình bạch mao” (vua Vũ Vương tay trái chống búa giát hoàng kim, tay phải cầm cờ tiết mao trắng). “Hoàng việt, bạch mao” thường dùng để chỉ nghi trượng của thiên tử khi đi chinh phạt. Trong thiên Mục thệ, vua Vũ Vương cùng tướng sĩ làm lễ tuyên thệ ở đất Mục trước khi đi chinh phạt vua Trụ.
- (7) Tức Uy Mục Đế.
- (8) Tức Kiến Vượng Tân, con Lê Thánh Tông.
- (9) Cửu trù: Chín phép lớn trị thiên hạ của thời cổ ghi trong Kinh Thư (Thiên Hồng phạm)
- (10) Theo Đại Việt sử ký toàn thư, năm Kỷ Ty (1509), mồng 8, tháng 11 âm lịch, Giản Tu công tiến binh từ Tây Đô ra Thăng Long. Ngày 28, Lê Uy Mục chạy trốn và sau uống thuốc độc tự tử. (Bản dịch Nhà xuất bản Khoa học xã hội, quyển 4, tr.52-54).
- (11) Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Giản Tu công lên ngôi Hoàng Đế ngày 4, tháng 12, năm Kỷ ty (12-1-1950).
- (12) Triệu Lý, lệ Chung: Lý Tư, đời Tần, đổi kiểu chữ đại triện thành chữ tiểu triện. Chung Do, thời Tam Quốc, viết chữ lệ đẹp. Câu này có nghĩa là chữ triệu họ Lý, chữ lệ họ Chung, ý nói những kiểu chữ đẹp thời cổ được khắc vào bia.
- (13) Lê Tung: nguyên tên họ là Dương Bang Bản, người làng Yên Cừ, huyện Thanh Liêm xứ Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh). Năm 33 tuổi ông thi đậu Hoàng Giáp (1484), được Lê Thánh Tông ban

cho quốc tính (họ Lê) và đổi tên là Tung. Niên hiệu Hồng Đức thứ 24, ông sung chức Phó sứ sang nhà Minh mừng lập Thái tử. Đời Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 2 (1499), ông được cử đi đón sứ bộ Trung Quốc. Đến năm Đoan Khánh thứ nhất (1505), ông được bổ Thừa tuyên sứ Thanh Hoa. Năm Đoan Khánh thứ 3 (1507), ông lại được cử làm Chánh sứ sang nhà Minh. Năm 1509 ông theo Lê Tương Dực khởi binh ở Tây Đô (Thanh Hoa), sau đó làm Thượng thư bộ Lại, tước Thư bá, kiêm Quốc tử giám Tế tửu. Năm Hồng Thuận Quý Dậu (1513), ông được cử làm tóm tắt bộ sử của Vũ Quỳnh, soạn bài đại Việt thông sử tổng luận nổi tiếng, hiện in ở phần đầu sách Đại Việt sử ký toàn thư.

SỰ TÍCH: NHỊ VỊ PHÚC THẦN

Thượng thư Lê Tung phụng soạn

Kiến quốc thu nhân, người Ngọc Chuế họ Lương, cha mẹ sửa đức, làm thiện mà mãi năm 40 tuổi vẫn chưa có con nối dõi, nên ngày đêm cầu đảo thần linh. Một đêm, bà mẹ nằm mơ thấy trăng rơi vào bụng. Tỉnh lại thì có mang từ đó. Lúc sinh nở lại đầy nhà sáng như bóng trăng soi. Cha mẹ nhân thể bèn đặt tên cho con là Minh Nguyệt. Cô bé lớn lên có sắc đẹp lạ thường, chí khí cũng hơn người, học hành thông tuệ.

Một hôm Người cho gọi con gái vào mà dạy rằng: “Người ta sinh năm đẻ bảy, cha mẹ sinh được mình con. Nay con đã lớn khôn, lại là người có học hành chữ nghĩa. Cha muốn xếp đặt cho con có nơi có chốn, lỡ cha mẹ khuất bóng cũng được yên lòng. Lương Thị suy nghĩ rồi thưa: “Thưa cha, ai sinh ra ở đời cũng phải giữ trọn chữ hiếu trung mới phải đạo. Con là phận gái yếu hèn con có nguyện ước được ở gần xóm làng được hầu hạ cha mẹ để trọn đạo làm con”

Nghe con gái giải bày ý nguyện, cha mẹ lấy làm cảm động. Sau đấy ông bà gả con gái mình cho Đinh Tuấn, chàng trai nghèo nhưng khỏe mạnh và đức độ trong làng.

Khi về với Đinh Tuấn, vợ chồng ăn ở với nhau rất hòa thuận. Thời ấy nước ta bị giặc Minh xâm lược. Dân tình rất oán khổ mọi bề. Gia đình Lương Thị cách thành Cổ Lộng không xa. Hàng ngày được mục kích những thảm họa của đồng bào. Một hôm Lương Thị nói với chồng; “Tang bồng hổ

thí là chí trai, vài sợi râu là phận gái. Như ngày xưa đã có Hai Bà Trưng, bà Triệu vốn quần thoa mà vượt cả đàn ông. Lưu danh sử sách, đến nay còn truyền ý chàng nghĩa sao?”.

Chàng Đinh đáp: “Nếu nàng quả có chí theo Bà Trưng, Bà Triệu, tôi nay cũng thẹn lây”.

Lương Thị vốn là người nhan sắc, khi qua lại thành Cổ Lộng thường bị quân Minh chòng ghẹo. Nàng bèn bàn cùng chồng xin dọn một quán nước bên thành. Nàng lợi dụng sắc đẹp để dò tình hình giặc.

Ý đã định, gia đình chàng Đinh liền bán ngôi nhà, lấy vốn mở quán. Còn chàng Đinh đi chiêu tập dân binh, mưu việc khởi nghĩa.

Quân giặc đóng lâu trong thành sinh trẻ biếng. Tướng soái ham mê tửu sắc, rượu thịt, say sưa trong trướng. Quân lính thì chúm mũi vào cờ bạc hoặc la cà trong quán nàng Lương, tối đến, rượu say mềm rồi chui đầu vào túi ngủ. Bấy giờ, nàng đã thu phục được hết các tướng sĩ, nên chúng thường mượn nàng thất túi. Túi thường thất một nút để khi sáng dậy, chúng đập nhẹ, nút bật rồi chui ra.

Bấy giờ, Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xa gần đều biết tiếng, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh dẹp hầu hết các miền đất từ Thanh Hoa trở vào. Nàng Lương chẳng quản đường xa, thân gái, lặn lội vào Thanh tâu bày tình hình giặc với Bình Định Vương Lê Lợi, Nghe xong, Chúa Công bèn sai tướng sĩ đi thám thính. Quả nhiên đúng vậy. Nàng Lương bèn xin Chúa Công đem quân đến hạ thành. Lê Lợi gặt đầu khen ngợi:

“Ta không ngờ trong đám phụ nữ lại có người chí khí đến thế. Nếu đánh úp được giặc cho ta, để có lối ta tiến ra Bắc tất cả có trọng thưởng”. Nàng tâu: “Thiếp là phận gái, mong nhờ uy đức Đại Vương để giết giặc dữ. Thiếp nào có công gì”.

Cuối năm 1426, nghĩa quân Lam Sơn quyết định tiến ra Bắc. Chúa Công sai: Lê Khôi, Đinh Liệt, Đinh Lễ, Nguyễn Xí... đem năm nghìn quân theo nàng Lương thẳng tiến thành Cổ Lộng. Nàng về trước, báo cho chồng, chỉnh đốn dân binh đi đón quân của Chúa Công tại bến đò Gián Khẩu⁽¹⁾. Còn nàng trở lại với quán hàng, bán buôn như thường lệ. Nàng mở rộng thêm hàng quán, sắm nhiều rượu thịt. Chờ thêm nhiều gái đẹp quanh vùng đến chuốc rượu cho giặc.

Rượu ngon, gái đẹp. Quân giặc nào có ngờ. Đêm đến, các tướng sĩ lại chui cả vào túi nhờ nàng Lương cùng các cô gái đến thất nút. Lần này, nàng cùng các cô gái thất chặt hai, ba lần nút.

Quân sĩ trong thành ngủ say. Nàng đem bọn con gái ra mở cửa thành chàng Đinh tức khắc đem quân vào. Quân của Chúa Công Lê Lợi mai phục bốn phía đều nhất tề nổi dậy ủa vào đánh giết. Quân Minh nửa say nửa tỉnh, đành chịu chết. Các tướng soái, binh lính đều bị đập đầu trong túi. Sáng ra, thành đã bình. Thấy giặc chòng ghẹo, lính của Chúa Công cùng dân làng sở tại phải lòi xác giặc vất xuống con sông gần đấy. Xác giặc trôi theo sông Đáy⁽²⁾ ra tận biển Đông.

Lê Lợi được tin, mừng lắm. Giao cho chàng Đinh và nàng Lương cờ kiếm để giữ thành, vàng, bạc châu báu trong thành đều giao cho vợ chồng nàng quản nhận. Lại sai Nguyễn Trãi ghi công đội khi dẹp xong quân Minh sẽ định thưởng.

Năm mậu thân 1428, sau mười năm chống quân Minh thẳng lợi. Lê Lợi lên ngôi vua. Vua Lê họp quần thần ở Điện Giảng Võ để định công ban thưởng cho những người yêu nước chống giặc. Vua hỏi quần thần rằng:

“Trẫm khởi binh từ Lam Sơn đi dẹp giặc, cứu sinh linh. Sở dĩ ở lâu Thanh Hóa, không ra Đông Quan được là vì có thành

Cổ Lộng ngăn lối. May có một người đàn bà, bầy mưu giúp sức, giúp ta phá được thành để đưa đại quân tiến ra Đông Quan. Thật là một kì công hiểm có. Vậy ý ta muốn thưởng trước. Các khanh nghĩ sao? Quần thần đều tâu: “xin vâng”!

Vua bèn cho gọi nàng Lương đến, tỏ ý phong thưởng. Nàng phục xuống tâu:

- Thân thiếp phận hèn bỏ liễu, vốn nơi thảo dã. May làm được thành công là mưu tính ở đức vua. Chứ thân thiếp nào có công gì, và tiện phu hiền lành thực thà đâu dám lạm dự quan cao chức trọng. Chỉ nguyện xin làm dân áo vải nước Nam. Được thấy cảnh tượng thái bình. Thế là phỉ nguyện.

Đức vua phán:

- Con gái có công to mà không khoe khoang, thật còn hơn con trai một bậc. Nhưng khanh đã tự nhận là thảo dã, ta cũng lấy cảnh thảo dã mà thưởng lộc cho - ý khanh thế nào?

Nàng lạy tâu:

- Thân thiếp ơn hậu thưởng. Ân đức vô cùng. Nay sinh quân thân đất hẹp, dân nhiều. Xin bệ hạ mở mang rộng đất. Miễn sai dịch cho dân chốn hương thôn. Xin bệ hạ rộng lòng thương.

Đức vua bằng lòng. Bèn phong ông Đinh chức “Kiến quốc công trung dũng đại thần”, bà Lương chức: “Kiến quốc công trình tiết phu nhân”. Và, cho bà cưới một con ngựa hồng, chạy khắp xa gần. Chỗ nào ruộng tốt thì lấy, cả thảy 300 mẫu.

Nhận ruộng xong, bà phân phát cho dân làng cấy cấy.

Đến năm Thuận Thiên thứ năm - 1444, hai ông bà Lương cùng mất, vua Lê nhớ công ơn, ban sắc phong cho cả hai vợ chồng làm “Phúc thần” và sai quan về tận nơi làm lễ quốc tế theo tước vương, lại cấp thêm một trăm mẫu ruộng làm tư điền.

Đến khi Thánh Thông Thuần Hoàng Đế lên ngôi, niên hiệu Hồng Đức năm đầu, ban sắc: “Tuân công vĩ liệt, đoan trang tinh nhất, kiến quốc công nhĩ vị thượng đẳng thần”. Vua chế tác bài văn khen ngợi như sau:

“Vi tại liệt phụ
Khí hùng vạn binh
Ngô tặc thiết cứ
Cổ Lộng chi thành
Ngã hoàng khởi nghĩa
Dốc chí hướng Minh
Thiết kỵ mãnh chiến
Nang quát công thành
Việt sử binh bút
Trung Vương tề danh
Miếu mạo hương tế
Thiên cổ phong thanh.

Dịch nghĩa: “To lớn thay người đàn bà giỏi, chí khí ngang với vạn quân. Giặc Ngô trấn giữ ở thành Cổ Lộng, Vua ta khởi nghĩa, dốc chí dẹp bọn nhà Minh. Thiết kỵ xông pha, thất túi việc thành. Bút sử rục rờ. Tiếng ngang Bà Trưng. Đền miếu thờ phụng. Ngàn thuở tiếng tăm”.

(Theo thần phả Đền Ruồi xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định)

(1) Bến đò cách cầu Khuất ba cây số về phía nam, nay dân gian gọi là bến đò Ông.

(2) Sau khi hạ thành, xác giặc chôn chất ngổn ngang. Quân sĩ lười không xuể. Sau phải lệnh cho các dân thôn đến lói xác giặc, thôn nào lói được bao nhiêu chỗ xác giặc nằm thì nhận ruộng chỗ ấy. Nên ngày nay cánh

đồng trong thành gồm có đủ các thôn: Bình Cách, Bình Thượng, Bình Hạ, Bình Lương... Xác giặc nhiều, chôn không kịp, người ta phải vát xuống con kênh cho nó trôi ra sông Đáy, rồi xuôi ra biển Đông. Dân gian gọi là *kênh ma*.

Sau mười năm chống giặc, đất nước thanh bình, Vua Lê đặt tên cho thôn đầu kênh là *Thanh Khê* (Khe trong) và cuối kênh là *Thanh Kênh* (Kênh trong) để đánh dấu đất nước thanh bình sạch không bóng giặc.

- (3) Tương truyền, khi đi nhận ruộng, bà Lương cưỡi con ngựa hồng, khoác theo bị gió. Nơi nào ruộng tốt, bà rắc gio nhận ruộng. Có nơi dân làng ra xin, bà cho rồi đi nơi khác. Vì vậy ruộng rải khắp ba huyện: ý Yên, Bình Lục, Thanh Liêm. Dân gian thường gọi là ruộng của bà Chúa gio. Hiện nay còn hai trăm mẫu ở đồng Thành Cách mà dân làng Chuế Cầu quê bà vẫn đi qua xã Yên Thành sang Thành Cách xã Yên Thọ để cấy cấy (cánh đồng cao mà bằng phẳng mênh mông, đất tốt lạ). Gọi là cánh đồng Nang (cánh đồng Tái).

NGỌC PHẢ TRẦN MINH CÔNG SỨ QUÂN Ở BỐ HẢI KHẨU⁽¹⁾

Lê Tung

Tại nước Việt Nam ta vào thời cuối Ngô, có 12 vị hùng trưởng đều xưng là sứ quân, chia nhau chiếm cứ đất nước. Ở Bố Hải có Trần Minh Công sứ quân. Tên huý là Lãm. Thân sinh Trần Lãm là Trần Đức quê ở ấp Trúc Giang huyện Mao Cương tỉnh Quảng Đông bên Bắc quốc. Mẹ tên là Lâm Thị Hoa người cùng ấp. Vào thời Hậu Lương, ngày 10 tháng 8 năm Đinh Mão (907) Lãm thị sinh ra ông.

Năm ông 14 tuổi, theo mẹ cha lên đênh trên thuyền, dời về miền biển phương Nam cư trú, tức Bố Hải khẩu. Khi ông lớn lên, theo Ngô Quyền tướng quân. Sau vì không thuận phục họ Dương⁽²⁾ nên chiếm cứ vùng Bố Hải. Tự xưng là Minh Công. Tại nơi này ông khuyến dân cấy cấy, giảm thuế má. Tạo thành làng mới xây thói nhân hòa.

Bấy giờ, tại thung Hoa Lư⁽³⁾ thuộc đất Đại Hoàng Ái Châu, có người tên là Đinh Bộ Lĩnh, ứng với mệnh trời, thuận theo lòng người, dấy đám quân thảo dã⁽⁴⁾ từng đánh dẹp nhiều nơi, gian lao thất bại cũng nhiều phen. Sau nghe tin Trần Lãm sứ quân ở miền Bố Hải, nên tìm đến xin đi theo. Lúc ấy, tả hữu của Đinh Công cũng chỉ có Đinh Điền, Nguyễn Bạc. Và độ hơn mấy trăm quân. Trần Công thấy Đinh Công là người có dũng lược, liền nhận làm nghĩa tử⁽⁶⁾ Bờ giờ Trần Công tuổi đã cao các con lớn đều là gái, không

gánh vác nổi công việc lớn. Vì vậy, Minh Công bèn giao binh quyền cho Đinh Công.

Từ khi nhận được cánh quân này, Đinh Công bèn cử hai tướng Đinh, Nguyễn⁽⁷⁾ đi các nơi mộ quân, mua ngựa. Qua mấy tháng, quân lương đã mạnh bèn cất quân đi đánh dẹp các sứ quân kia. Đánh đâu, dẹp đấy. Chẳng bao lâu bình định được cả thiên hạ. Đinh Công bèn lên ngôi Hoàng Đế. Đóng đô ở Hoa Lư⁽⁸⁾.

Minh Công lúc này tuổi đã già. Thường ngày trên thuyền chơi bơi, văng cành. Một hôm, vào buổi chiều, ông dắt bọn tùy tùng vào trang Lạc Đạo⁽⁹⁾ huyện Giao Thủy huyện Thiên Trường. Thấy nơi đây nước chảy quanh co. Giữa có khu đất hình con hổ, trông về hướng tây nam, liền chọn luôn làm nơi ở. Từ đó, ông cùng vợ con khuyên dân sở tại giữ hòa hiếu, cùng nhau cấy cấy, cùng mọi người sửa chùa, bắc cầu cống, khơi ngòi, đắp đường, cùng dân sống yên vui. Tiên Hoàng Đế liền sai người tới dựng một ngôi sinh từ tại xứ Hoa Lâm⁽¹⁰⁾ đặt 10 người làm quét dọn. Miễn cho dân lạc đạo các thứ tô thuế, tạp dịch. Mà chỉ chuyên việc làm thân dân phục vụ Minh Công.

Tối năm Minh Công 71 tuổi, một hôm ông ra đồng thăm việc nông tang, trở về thì bị sốt rét liên miên. Thuốc nào cũng chẳng khỏi. Đến ngày 10 tháng 10 thì mất tại nơi chính tẩm.

Tiên Hoàng bèn về cùng với các con của Minh Công lo việc an táng tại phía đông khu sinh từ⁽¹⁰⁾. Còn cấp 300 quan tiền, truyền cho dân mở rộng đền thờ làm nơi xuân thu nhị kỳ tế lễ. Và tặng mi tự là “Quốc đô thành hoàng”. Sau, sai người mang chân nhang về lập đền thờ ở phía đông kinh đô Hoa Lư để tưởng niệm. Từ đó về sau, mỗi khi đến ngày kỵ thì ở Hoa Lư và Bồ Hải, đều cử người về lo việc tế lễ tại nơi Chính từ lạc đạo. Lấy ý không quên đi gốc cũ vậy.

Đến thời Trần, thời Lê sau này, mỗi khi có quân phương Bắc tràn vào. Các Vua đều đến lễ bái xin xăm việc thắng trận. Nên đến lúc bình yên rồi, các vua đều cho người sửa rộng, nơi thờ cúng mở mang lễ hội, trở nên một cảnh đẹp ở vùng ven biển vậy!

Bấy giờ là ngày 2 tháng 10. Niên hiệu Hồng Đức, năm thứ 18. (1487).
Tiến sĩ khoa Giáp Thìn, quê An Cừ, Lê Tung viết.

-
- (1) Bồ Hải khẩu: Nay thuộc xã Kỳ Bó, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình.
 - (2) Họ Dương: Tức Dương Tam Kha
 - (3) Thung Hoa Lư: Nay là Giáp Nhị - Uy Tế, Gia Viễn, Ninh Bình. Chữ Hoa Lư có nghĩa là Hoa lan. Tức Thung lau hay Thung ông.
 - (4) Quân thảo dã: Tức quân lính vùng nội cỏ quê mùa.
 - (5) Nghĩa tử: Con nuôi vì nghĩa.
 - (6) Đinh, Nguyễn: Tức Đinh Điền - Nguyễn Bạc
 - (7) Hoa Lư: Hoa Lau
 - (8) Nay là đền thờ Trần Minh Công, thường gọi là đền Xám.
 - (9) Nơi có đền thờ Minh Công ngày nay.
 - (10) Nay là khu má Rạm phía tây đường 21 qua Nam Định đi Cổ Lễ.

NGỌC PHẢ BẠCH HOA CÔNG CHÚA CHÙA TRINH SƠN

Lê Tung

- Tại xã Lựu Phố, huyện Mĩ Lộc có thứ phi Diệp Diệu Hiền. Phi vốn là con gái lớn của ông đồ Diệp Thế Xuân. Ông Diệp hay chữ mà không theo đường khoa bảng, chỉ ở nhà dạy học. Các quan trong triều thời ấy, phần lớn là học trò của ông.

Một lần Cung Định Vương từ Lựu Phố ra bến Cảo Môn thì gặp chiếc thuyền đỗ ở bãi sậy có cô gái đang cao giọng hát. Vương bèn dừng thuyền ghé đến. Được biết người hát bài ca xao xuyến ấy là Diệu Hiền. Vương ngỏ ý được cùng nàng kết duyên. Được Diệp Công ưng thuận. Vương xin làm lễ thành hôn trên thuyền và đưa Diệu Hiền đi theo. Hai người ý hợp tâm đầu, thường cùng nhau dạo khắp chốn núi sông.

Thoát đã năm tròn, vào giờ mao ngày 1 tháng 2 Nhâm Tuất (1382) bà Diệu Hiền sinh con gái, đặt tên là Bạch Hoa.

Một hôm có thầy tướng tên là Tụ Hòa, ban quý của Vương đến chơi và khuyên Vương thay đổi họ tên rồi cùng nhau đi buôn. Còn cô gái này thì nên đưa vào nhà chùa nhờ Phật độ mới yên thân được. Vương không cho là phải rồi đưa 10 lạng vàng, 20 lạng bạc biếu thầy tướng. Thầy tướng nói: "Tôi đi buôn vốn liếng cũng đủ dùng, không lấy làm gì." Từ đó, Tụ Hòa không trở lại đây nữa.

Ngày qua, tháng lại, công chúa càng lớn càng xinh đẹp, lại ham đèn sách. Thi thư kim cổ đều thông lâu, nàng thường

nhắc cha khuyên dân cấy cấy. Thương kẻ khó nghèo, giảm nhẹ thuế má cho nông tang, kén người hiền tài ra giúp nước... Đặng mong thiên hạ thái bình, nào ngờ sự biến. Trong triều chính có nhiều chuyện không vui.

Nhân đó, bà Diệu Hiền liền đem lời ông thầy tướng Tụ Hòa ra nói, nhưng Vương vẫn cho là nhảm. Bà vùng vàng nói: nếu có chuyện xảy ra thì bà sẽ tự ý bỏ đi. Vương vẫn lảng lạng.

Đến năm Bình Tý (1436) bà đang đem bỏ đi, không rõ đến chốn nào?

Tháng 3 năm Mậu Dần (1438), quyền thần Hồ Quý Ly, tự nhiên bắt Vương đang ở ngôi vua đi tu ở Cung Bảo Thanh nhường lại ngai vàng cho con là Trần Án mới lên 3 tuổi. Hồ Nguyên Trừng không dám can ngăn Quý Ly. Đành khuyên Nguyễn Bặc Cử cũng là người quen thân thầy tướng Tụ Hòa, một người nhân từ bác ái, ngay thẳng, bí mật đưa Bạch Hoa lên thuyền đi lánh nạn ở ngoài Kinh đô. Rồi tìm cách thân hành hộ tống tới núi Cẩm Long trên ngọn Bồ Đà nơi có ngôi chùa thờ Phật Pháp Phong, rồi đưa cho công chúa một số bạc vụn phòng khi cần đến chi dùng.

Ngôi chùa nhỏ này có tên là Diên Bình Tự đã bị bỏ hoang nhiều năm, ngôi xô, rêu phủ, nhưng vẫn còn ở tạm được. Bằng Cử để lại vài chiếc thuyền nhỏ cho công chúa đi lại chợ búa bên sông, nghe ngóng chuyện đời.

Bằng Cử hỏi công chúa xưng Pháp danh là gì? Công chúa đáp: "Thu Thu Thiên Sư" rồi dặn dò từ biệt, mai danh ẩn tích.

Dân sở tại truyền rằng: Công chúa ở đó thích ăn con gạo đỏ uống nước hạt Bách hoa cúc. Đêm ngày tụng kinh niệm Phật. Cầu cho mọi người chung sống yên vui trong cảnh thanh bình. Mưa thuận, gió hòa. Mùa màng tươi tốt.

Đến năm Kỉ Mão (1399), công chúa nhận một cô gái 6 tuổi ở bên kia sông thuộc đất Trà Sơn, tên là Nguyễn Thị Giáp làm đệ tử. Đặt pháp danh là Tuệ Hoa Thiền sư.

Ở núi Bồ Đà, công chúa thường đến những ngọn núi gần đây để ngắm trời mây non nước. Ngơ ngẩn làm thơ vịnh cảnh. đệ tử hỏi. Công chúa nói: “Ta tới đây nghỉ ngơi để viết tập “*Cô ai Trường hận*” mà chưa bao giờ đọc cho ai nghe cả: Những ngày đẹp trời, công chúa thường đi thăm rừng núi bên sông, hái thuốc men về chế thuốc, bố thí cho kẻ nghèo khó nhờ nhàng.

Tới năm Giáp Tuất (1454) Niên hiệu Diên Ninh thời vua Lê. Lúc gà vừa vào chuồng, công chúa lên chùa, gõ mõ, tụng kinh xong thì gục xuống không dậy nữa. Bây giờ là ngày 6 tháng 8. Đồ đệ Tuệ Hoa bế công chúa lên giường vuốt ve, nhả nhủ thăm thì. Rồi tìm ông xã chính Nguyễn Đại Mộc bàn lo việc an táng theo di chúc chôn tại chỗ đất trũng trên núi “*Cô Ai*”. Núi vốn không tên mà do chúa đặt tên cho và không cải táng nữa.

Cùng năm, dân làng sở tại gom tiền bạc tạc tượng chúa bằng đá để thờ ở án hương bên dưới tượng Pháp Phong. Rồi tứ thời bát tiết để đệ nhị tổ Tuệ Hoa kính lễ.

Từ sau Tổ Thu mất, dân Thanh Liêm, cùng dân mọi miền qua lại đều viếng thăm, lễ bái cầu phúc. Gặp ngày kị này, dân sở tại thường dâng cơm gạo đỏ, xôi gấc, muối vừng để làm giỗ.

Cả hai huyện Thanh Liêm và Gia Viễn có 9 nơi thờ phụng. Nhưng tới ngày giỗ các nơi về núi Bồ Đà làm lễ. Chùa và núi Bồ Đà đổi tên là Trinh Sơn, Phật tích từ đó. (nay là chùa Trinh Tiết xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm Hà Nam)

*Ngày 2 tháng năm, Hồng Đức 21 (1490)
Giáp Thìn khoa tiến sỹ An Cừ Lê Tung kính thuật.*

ĐÊM NGỦ Ở ĐỀN PHÙ DUNG THÁNH MẪU

Lê Tung

Tôi qua đây đang cuối hè, ve kêu inh ỏi. Chiều tàn rồi, tôi nghỉ lại. Cửa Kỳ Hoa có ngôi đền. Toà sau tiền hậu đốc, giai bằng gỗ lim chắn phân giữa chỗ giáp thân trước. Hỏi ra thì cụ già coi đền tên là Nguyễn Văn Ngữ kể rằng:

“Thời Trần, Vua Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành. Quan quân qua đây. Mặt biển liên âm âm nổi sóng cồn như núi. Mây đen kéo mịt mù. Thật là ghê rợn. Lát sau khí lạnh tuy có giảm. Mặt trước sóng dữ gầm gào. Thì bỗng có một người cao lớn, mình mặc áo giáp, nai nịt gọn gàng, hông đeo gươm, hùng dũng bước lên thuyền. Đặt trước mặt vua một cái tráp sơn son, rồi nhảy tùm xuống biển.

Vua sai mở xem, thì trong có bức thư của Nam Minh đô đốc Kim Lý. Đòi vua nộp một số cô gái đẹp làm vợ. Nếu không sẽ chìm ba quân xuống biển sâu. Vua nổi giận nghẹn cổ. Nhưng đành gọi các thị nữ hỏi: Ai dám vì nước mà xuống biển ở với Kim Lý? Ai nghe thấy cũng tái mặt, không lên tiếng. Vua nhắc lại, lúc này có nàng Nguyễn Thị Bích Châu, tuổi vừa hai mươi là thứ phi. Nàng dặn em là Thu Hoa ẵm con trai là Trần Lương Thần rồi ra quỳ trước mặt vua xin vâng mệnh.

Vua quuyến luyến đọc bài tứ tuyệt để tiễn biệt.

Nhất thứ nan tri hữu nhật lai

Tự kim đi hận bất thư hoài

NGƯỜI HỌC TRÒ CỦA THẦY CHU VĂN AN

Lê Tung

- Xuống ngựa, tôi nghỉ ở dưới gốc đa già bên bờ sông Tô Lịch. Một anh học trò trẻ tuổi, từ đâu lại chào tôi, lễ phép mời tôi về nhà anh. Anh xưng tên là Chu Thế Nghiệp. Nói rằng: Dư dục của nhà họ Chu có mời tôi ăn uống rồi tiếp: Cách đây bốn năm, anh có nhờ tôi viết đơn kêu lên quan một sự bất thường. Rằng: Đã mấy năm liền, đồng điền lụt lội. Mùa màng thất bát. Nhưng quan vẫn thúc sưu thuế nặng nề. Chẳng có thóc nộp cho quan. Người cha bị bắt về giam ngục tối. May mà lá đơn ấy lại thấu đến Triều đình. Đến đây thì tôi nhớ ra rồi... Nghỉ đến chiều thì tôi theo anh đi chơi, đến bờ một cái đầm, tôi và anh dừng chân. Anh kể: Khi xưa, cụ Chu dạy học ở đây. Vào một năm trời làm đại hạn. Linh tính của cụ cho biết: có một học trò Thủy thần tên là Thiện Long. Cụ cho gọi và giao việc làm mưa cho trò ấy.

Thiện Long bèn lấy nghiên đá đem rượu, mực mài vào rồi chấm bút lông vẩy lên trời. Xong liền quẳng bút nghiên lên theo. Bút rơi xuống làng tá Thanh Oai thành gò đất lớn. Nay có tên là gò Bút. Nghiên rơi xuống đầm Quỳnh Châu biến thành đầm nước. Gọi là đầm Mực. Khi làm xong bỗng nhiên mây đen kéo kín trời. Một trận mưa như trút nước đổ xuống suốt một ngày đêm mới tạnh. Ai nấy vui mừng. Vì thấy đồng trên, ruộng dưới đầy ắp nước. Nhưng tại đầm Viên Nguyệt thì có con thuồng luồng bị chết nổi lên. Cụ Chu thương cảm liền làm sớ tâu Ngọc Hoàng rồi làm lễ ở giữa trời để kêu nổi oan

cho trò Thiện Long. Bỗng thấy Phật Bà cười mây hồng từ biển đông tới. Phật lấy cành liễu chấm nước Tịnh Bình vẩy vào thân xác thuồng luồng, thuồng luồng hiện lại hình người học trò cũ đến lạy trước Phật bà và cụ Chu rồi bơi đi. lát sau Phật bà cùng bước lên mây rủ về biển. Cụ Chu sững sờ trông theo. Một cơn gió ào ào đổ tới. Cụ giạt mình tỉnh lại, thì ra đó là một giấc mơ. Cụ hỏi mọi người thì họ nói: Sau khi cụ đọc sớ đốt đi, thì thấy cụ nằm vật xuống. Ước một lúc thì thuồng luồng sống lại, bơi vòng tới chỗ Cụ, đặt lễ rồi lặn xuống nước mất. Nhân thế, Cụ viết bài thơ:

Thiện ý tông lại cố hữu chi
Thiện tâm kim nhật nhữ tuân vi
Tiên tri hiền khiêm nhi vô ty
Thiện báo sinh hồi phật dĩ y

Tạm dịch

Thiên ý từ xưa có cũng thường
Thiện tâm người gắng đáng nên gương
Đã hay trời phật mà không tránh
Thiện báo hồi sinh phật lại thương

Ngẫu nhiên nghe được chuyện này, tôi cầm bút viết ngay. Ngõ hầu để người trọng nghĩa, đừng sợ rằng làm việc nghĩa mà chẳng có ai hay.

*Theo gia chủ họ Chu thôn Văn Lâm
xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình.*

TRỜI CÓ MẮT

Lê Tung

Từ ngoài biển, có chiếc thuyền lướt tới, đỗ sát chân núi Cổ Am (Nơi có đền thờ Độc Cước ở Sầm Sơn - Thanh Hóa hiện nay). Bốn người, tay xách, nách mang, đi vòng phía trái núi rồi đếm bước tới gốc si già bên phải đến chỗ tôi đang ngồi. Rồi cùng ngồi cả xuống. Nghỉ ngơi xong, họ sắp các đồ lễ lên khay đĩa, rồi nâng lên kính cẩn đi vào trong đền. Trong bọn họ có ông già đầu bạc bước lên trước thấp dẫm nén hương, rồi quỳ dưới chân nhang cộng đồng, lẩm râm khẩn vái. Tôi nghe được tín chủ là Nguyễn Văn Viêm, quê ở Bình Giang, huyện Can Lộc. Ông đầu bạc khẩn xong, liền cầm hai đồng tiền cổ xin âm dương. Rồi chìa ra bảo ông đầu bạc kia, ý chừng là ông Viêm.

Đoạn, ông Viêm cùng hai người đàn bà quỳ sau, đều chấp tay khẩn gò không rõ. Ước độ mười khắc thì ông Viêm xin âm dương. Sau đó, ông chiêu một ngụm rượu rồi phun lên trời, phun xuống dưới đất. Xong mọi thủ tục, họ dâng biểu thủ từ. Rồi bày lễ ra hiến cùng thụ lộc.

Mọi việc xong xuôi, tôi men đến bắt chuyện với họ, ông Viêm nói: “Con tôi đi làm thuê miền ngược, giành dùm được ít tiền mua lâm sản đem về, bị họ đánh thuế nặng, đành chịu bỏ đấy. Trên đường về còn bị bọn cướp chặn đường moi trắng tay. Dân bản thấy vậy, bảo nên đi kêu với quan huyện sở tại. Không ngờ, lại bị quan bắt nộp phạt mười lạng bạc. Cha con tôi không có tiền, đành phải trốn đi làm thuê ở miền biển

này. Nay đã có chút tiền, sửa cái lễ mọn kêu lên với thần đền đây. May ra thần thánh công minh soi xét được cho chăng?!

Vì mền cảnh nơi đây, tôi nán lại vài ngày. Thì lại thấy ông Viêm và ông thầy cúng mang lễ tới lễ tạ. Lễ xong tôi hỏi họ. Họ niêm nở chào hỏi: “Nhà ông ở gần đây?” Tôi đáp là người đi dâng hương nán lại để cầu thần mọn. Họ đáp, thần ở nơi đây có tiếng là linh dị. Tôi mới được biết rõ quan huyện đã bị tống vào ngục tối. Còn bọn cướp đường đã bị dân vùng này đâm chết rồi. Quả là ông trời có mắt thật.

Tôi ngẩng đầu nhìn đôi câu đối trước cửa đền: “Thiện ác, phân minh hào bất sáng. Thần linh chính trực bản vô tư” (Thiện ác rõ ràng không trái lẹ. Thần minh ngay thẳng chẳng riêng ai).

Bất giác tôi thở dài: Thật chỉ còn trông có Trời Phật mà thôi!

Theo Thanh Hóa chí

CÔ LÁI ĐÒ Ở BẾN BÔ CÔ⁽¹⁾

Lê Tung

- Từ quê nhà ra đi, tới sông Hát⁽²⁾ thì đã xế chiều. Bên kia sông là bến Phúc Thành. Phía đông là núi Sơn Thủy⁽³⁾, có làn khói bếp bốc lên rồi lẫn khuất vào đám cây xanh. Dưới bến có chiếc thuyền nan mà không thấy người. Cảnh vắng vẻ đìu hiu lắm. Tôi lên tiếng gọi dò thì thấy một cô gái dáng hơi cao gầy, tay cầm nắm rau má, nhanh nhẹn bước tới.

Chiều cuối thu se lạnh. Tôi khoác áo rồi dục tiểu lại mau quẩy gánh xuống thuyền để qua sông. Cô lái đò cũng nhỏ sào, bẻ lái. Thấy dáng vẻ ưu sầu của cô, tôi chờ cho yên vị mới hỏi về quê quán, lý do tại sao cô lại ở nơi quanh hiu sông nước này. Được dịp, cô nói: “Đại nhân ơi. Đúng là người ta ở đời không ai vượt qua được cảnh sinh, lão, bệnh, tử của bốn nỗi khổ cả. Nhưng còn cái nghèo thì càng khổ hơn nhiều. Nói sao cho xiết. Chúng con, thân phận con sâu cái kiến biết làm thế nào được!” hiểu được nỗi lòng cô lái đò, tôi thổ lộ cho cô biết, rằng: “Tôi cũng từ đời nghèo mà gắng học hành mới lên nỗi chức quan. Song tiếng vậy mà chẳng có miếng dẫu. Có sự uẩn khúc gì, cô cứ nói. Xem nghĩ cách nào giúp đỡ được chăng?” Cô tiếp lời và nói về mạnh dạn thêm: “Xin đại nhân thứ cho điều nói thực. Dù đại nhân rộng lượng thương, lấy quyền chức mà giải quyết rạch ròi, nhưng bọn sâu mọt ở đây đông lắm. Khi đại nhân còn đó, thì mọi việc phải trái phân minh. Khi đại nhân vắng bóng rồi, thì chúng con lại chết

nhiều hơn. Thôi thì đành bồng bênh sông nước. Chẳng chỗ yên ổn may còn sống để đỡ dân cha mẹ.”

Dòng sông khá lớn. Vào mùa nước to. Tuy là đò ngang nên mới qua được nửa sông. Tôi hỏi dồn, cô gái đáp: “Mùa màng thì thất bát liên miên. Thuế má thúc dồn. Nợ nần chồng chất. Nhưng lý dịch kỳ hào vẫn ra tay đè nén. Nhà con chẳng biết lấy gì lo cho chu tất. Chúng bắt anh con đánh đòn thảm mà chết. Chúng bắt con về làm con hầu nhà lý dịch. Thương cha mẹ già đau yếu. Con đưa song thân xuống thuyền lánh nạn, cùng rau cháo qua ngày.

Thuyền gần cập bến. Tôi thở dài, đem năm lạng bạc trả tiền đò cho cô, rồi bước lên bờ. Cô không lấy vì nói là quá nhiều. Tôi sai tiểu lại quyết đưa cho cô gọi là chút tỏ lòng tri ngộ.

Trên đường, tôi ngẫm nghĩ người xưa có câu “Mãnh hổ bất như quân hổ”⁽⁴⁾. Sự đời là thế. Thân mình khác nào hòn sỏi ném vào dòng nước lớn. Liệu có giúp cho đời được việc gì?!

(1) Bô Cô: Nay là quãng làng Cầu Cổ thuộc xã Yên Bằng huyện Ý Yên.

(2) Sông Hát: tức sông Đáy, cũng dòng sông này ngược lên ước 30 dặm có làng Thanh Quyết tại hữu ngạn.

(3) Sơn Thủy: Tức nói non nước thuộc đất Phúc Thành quê hương của Trương Hán Siêu thời Trần.

Bài này chép ở xã Chí Cầu Cổ do ông Súng người thôn Ngò xã Yên Bằng huyện Ý Yên lưu giữ. Nguyên chú: Cô lái đò là Nguyễn Thị Thiều, cụ tổ bà đời xa nhà ông Ngọc Súng.

(4) Mãnh hổ bất như quân hổ: Con hổ khỏe mạnh có một, không bằng bảy cáo tụ lực.

QUAN NGHỀ VINH QUY

Vào thời Lê Thánh Tông Hoàng Đế, có một gia đình họ Lại thuộc dòng tộc quý phái, từ Trấn Thanh Hoa ra Sơn Nga nhận phân lộc điền vua ban. (Nay thuộc thôn Chằm xã Liêm Thuận - huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam)

Qua bao mùa vụ chăm lo cây cấy, vun đắp điền trang, gia đình đã trở nên giàu có nhất vùng. Ông nhà đã ung dung ngồi dựa tráp để truyền dạy chữ thánh hiền cho con cháu. Còn bà thì chuyên tâm lo việc canh cuội đồn điền. Trong nhà đã có kẻ ở người làm. Một nhà phúc lộc đề huề, yên ấm. Hai ông bà đều đem lòng từ tâm cứu độ kẻ khốn nghèo trong trang ấp.

Tiếng lành đồn xa, một ngày kia có thầy địa lý, trên đường chu du có ghé thăm gia đình họ Lại. Gia chủ lấy làm mừng rỡ, xin lưu ông khách ở lại chơi nhà ít hôm để được ông nhà cùng khách thi thử đằm đạo. Ngày sắp ra đi, thấy địa lý nọ có ngó ý tìm giúp gia chủ ngôi đất tốt để táng mộ phần tiên tổ. Gia chủ lấy làm mừng rỡ.

Qua một buổi thăm nom nơi xứ đồng điền, thầy địa lý đã tìm được một gò đất cao. Thấy mời gia chủ ra xem rồi giảng giải rằng: "Cái gò này có hai huyết tốt, táng được hai ngôi mộ đẹp. Nhưng gia chủ chỉ được huyết phần phát giàu sang. Còn huyện phần kia sẽ phát công danh khoa bảng, mà chỉ được giành riêng cho nhà họ Dương Bang Bốn thôi. Gia chủ nên cất công đi tìm tổ mạc nhà kia mà táng vào phần đất ấy mới mong được đời đời phú quý, giàu sang."

Ngay đêm đó, bà chủ gia đình họ Lại nằm mơ thấy vị Thần linh về báo mộng quả y lời thầy địa lý đã dạy. Ông bà càng tỏ lòng thành tín không dám sai lời, liền bỏ bao công của đi tìm kiến nhà họ Dương kia.

Một hôm, bà nhà đi chợ về qua một quán nước bên bến La Giang ở đầu thôn Sông. Chủ quán là một bà già. Trời đã sang hạ, nắng gắt, bà họ Lại dùng chân ngả nón bước vào quán. Thấy khách, chủ quán niềm nở mời chào rồi gọi:

- Bồn ơi Bồn. Mang nước lên cho bà đi cháu.

Bà khách thấy ngỡ ngàng, sùng sốt, khi một cậu bé lem lú, nhưng có đôi mắt sáng, nhanh nhẹn bê ấm nước lên chào bà. Thấy vậy, bà khách liền ý tứ hỏi thăm gia cảnh. Bà chủ quán bồm bẻm miếng trầu, thủng thẳng trả lời khách:

- Cháu ngoại tôi đây. Khổ! Bố mẹ mất sớm, cháu họ Dương Bang anh em họ hàng thân thích chẳng còn ai. Tôi đón cháu về sắm sửa nương nhau.

Bà khách họ Lại thấy lòng thương cảm và mừng vui khôn xiết. Bà liền giải bày câu chuyện rồi ngỏ ý xin Bồn về nuôi.

- Xin đa tạ tấm lòng. Bà chủ quán đáp lời - Bà cháu tôi nghèo hèn lắm, đùm dùm nuôi nhau, đâu dám mong gì tới phú quý, cao sang. Và lại ông nhà cháu đã yên phận, tiền đâu mà đi rời - Bà chủ quán một mực chối từ.

- Xin bà yên tâm - Bà khách họ Lại nói như van vãn - Chúng tôi xin lo toan chu tất việc mộ phần và đón cháu về nuôi nó học hành, mai sau báo đền tiên tổ. Ý thánh dạy như vậy. Mong bà thử nghĩ lại.

Thấy chỗ bạn già từ tể và lại cũng người làng trên kẻ xóm dưới, xa xôi gì đâu, bà ngoại thuận lòng cho Bồn làm con nuôi, nương nhờ họ Lại.

Về họ Lại, Bốn được bố mẹ nuôi chăm nom dạy bảo theo nề nếp gia phong. Nhưng rồi mấy năm sau, Bốn liền sinh tính ngang ngạnh, trêu chọc mọi người trong trang ấp. Lấy của nhà giàu đem cho nhà nghèo. Hàng ngày, bố mẹ nuôi vẫn phải chịu sự la rầy của dân làng. Một hôm, Bốn làm một việc quá quắt với nhà ông hàng xóm. Ông chú họ Lại gọi Bốn về nọc ra cho một trận nên thân. Hôm sau, Bốn liền bỏ nhà ra đi. Bốn đi xin ăn tận miền Sơn Nam Hạ.

Tình cờ, Bốn vào xin ăn ở một nhà ông quan nghề. Học trò thấy vậy liền nói “ở đây không có gạo. Mà có xin chữ thì chúng tao cho”. Vừa lúc ấy, quan nghề tới. Thấy thằng bé ngộ nghĩnh, sáng sủa khác thường, liền gọi vào hỏi căn nguyên, quê quán? Bốn liền kể hết đầu đuôi. Nghe xong, quan nghề bảo:

- Vậy mà cứ ở đây với tao để giúp việc học trò. Cũng chỉ là quét tước cửa nhà và điều đóm nước nồi được không?

Bốn nói:

- Dạ. Con đói đi xin ăn. Miêu sao có việc làm, có cơm ăn là tốt thôi ạ.

Từ đấy, Bốn được ở lại với quan nghề. Tính tình thay đổi hẳn. Bốn rất chịu khó và nết na.

Được ít lâu, quan nghề nói với học trò rằng:

- Các con được cùng nhau học hành, ngày một tấn tới là cũng có phần thằng bé này giúp việc. Nó cùng lứa tuổi mà lại không cho nó học hành đăm ba chữ Thánh hiền, sau này cũng tội nghiệp.

Học trò nghe thầy nói liền thưa rằng:

- Dạ. Chúng con xin tư cấp giấy bút cho anh ấy học.

Buổi đầu, thầy bảo học trò viết ra cho Bốn mấy câu trong quyển tam tự kinh, rồi giảng nghĩa cho. Học xong. Bốn lại trở về với công việc hàng ngày của mình.

Một hôm, Bốn vừa quét nhà, vừa lẩm nhẩm trong miệng. Quan nghề thấy thế, tưởng có điều gì phật ý nên cậu ta chửi mình chẳng? lắng nghe một lát, quan nghề gọi Bốn lại hỏi:

- Bốn. Có điều gì mà cứ lẩm nhẩm trong miệng ấy thế?

- Dạ bẩm quan. Con có dám nói điều gì. Con chỉ nhẩm lại những câu văn các anh con học thôi ạ.

- Mà, ba chữ tam tự kinh chưa xong. Biết gì mà nhẩm. Vậy, mà đọc thử mấy câu ta nghe?

Bốn đứng khoanh tay, đọc một chập toàn những bài trong Kinh thi, Kinh thư. Không sai lẫn, hoặc bỏ sót một câu. Quan nghề thấy kinh ngạc tài trí của Bốn. Quan vui vẻ cười mà bảo rằng:

- À, mà cũng nhớ đấy. Chịu khó mà học cho tốt, tất sẽ nên người.

- Ngày hôm sau, quan nghề bảo học trò viết bài cho Bốn dài hơn. Học trò xin vâng, và viết hẳn cho Bốn ba trang. Kỳ lạ. Bốn chỉ đọc qua mấy lượt là nhắm mắt đọc lại lần lần. Chẳng những vậy mà còn nhớ hết cả những bài của học trò lớn. Hôm sau, quan nghề mừng học trò.

- Các anh lười, không chịu viết bài kha khá cho nó học. Nó học được. Còn thuộc cả những bài của các anh đấy.

Học trò lớn phật ý, liền viết một chập tám trang. Nhưng cũng chỉ ba lượt đọc. Bốn lại thuộc lầu. Về sau, học trò đành xin quan nghề phát sách in cho Bốn học, vì không viết kịp. Từ đó, Bốn học bằng sách in. Chỉ có bài làm là viết bằng giấy.

Suốt mấy năm vừa làm vừa học, Bốn đã có chút ít đồng công. Bốn xin quan nghề trở lại thăm nhà. Nhưng thương thay, bà ngoại và bố mẹ nuôi đều mất cả. Bốn đau xót đi về trường cũ với quan nghề để tiếp tục làm và đêm đêm soi kính nấu sừ.

Người dân ấp Sơn Nga như quên cậu con nuôi năm ấy. Rồi bỗng một hôm có giấy sức của Triều đình cho dân làng chuẩn bị cờ lọng đi đón tiến sĩ vinh quy. Vậy là thế nào nhỉ? Ai nấy xôn xao, lạ lẫm. Sau mới biết là quan nghề Dương Bang Bốn!

Ấy thế là giấy sức về đến lần thứ ba, dân làng mới chịu đi rước. Vì họ cho rằng Bốn vốn là đứa con nuôi bát nháo nên trong đám cờ lọng có nhấp nhô mấy cây gậy dài, trên đầu gậy có quán dây thùng. Từ trên võng đào ông nhìn xuống. Thấy vậy, ông liền ném luôn cái nghiên xuống đầu làng mà thề nguyên... rồi xuống võng, đi thẳng về phía cánh đồng phía nam làng, ông quỳ sụp bái yết mộ phần tiên tổ. Rồi ông ra đi.

Ấy là năm 1484 Lê Thánh Tông thứ 25, niên hiệu Hồng Đức thứ 15.

ĐỔI GIỐNG

- Tương truyền bà vợ của quan thượng Lê Tung sinh được đứa con trai đầu lòng. Nhưng chẳng may sau khi sinh nở, người mẹ lại không có sữa. Người nhà rất lấy làm lo lắng. Đành thuê một thiếu phụ thuyền chài dưới bến La Giang ngay đầu thôn lên ở vú. Lạ thay, người vú em nọ cũng có đứa con trai cùng sinh một ngày. Hai đứa trẻ lại bụ bẫm khôi ngô, giống nhau như hai giọt nước.

Từ ngày có người ở vú, ông lấy làm yên tâm ra đi việc nước. Thế rồi cuối năm ấy, sắp đến ngày giỗ tổ, nhưng việc quan mãi bận ở mãi miền xa, nên ông không thể về được, mà lòng thấy bồn chồn. Rồi một đêm ông nằm mơ ở quê nhà vào đúng ngày giỗ. Cỗ bàn thịnh soạn đã dâng lên. Hương nhang mờ mờ. Nhưng lạ thay, từ đường chẳng có một ai. Mà ngoài sân thì một đám người tóc hoe đỏ cứ đứng lối nhỏ nhìn vào. Linh tính đã cho ông hay có điềm gở. Hôm sau, ông thu xếp việc quan rồi lên ngựa về quê.

Trải qua chặng đường dài, cát bụi, ông đã trở lại quê nhà. Ông lặng lẽ bước qua ngưỡng cửa vào nhà. Sao kìa:

- Đứa con trai chột thấy ông nó liền khóc thét lên. Ai dỗ cũng chẳng được. Ông cúi xuống ẵm con vào lòng, vỗ nựng. Nhân đó, ông lật bàn chân con lên xem, thì chữ "Thần" nơi huyết bàn chân khi lọt lòng đã có, giờ biến mất. Chỉ còn là bàn chân trắng hếu. Ông liền vạch áo, xem lưng con. Thì vết chàm mờ mờ tựa rồng bay cũng bay đầu mất. Ông lấy làm kinh ngạc, liền cho người nhà gọi người vú ở nọ.

Được tin quan về, người vú kia đã vội xuống thuyền ra đi tự bao giờ. Mà bấy giờ đồng nước thì mênh mông, thuyền bè như lá tre lênh đênh về muôn ngả. Như vậy là đứa con trai của ông đã bị người đàn bà kia đánh tráo. Ông buồn vô hạn, nhưng cố nén lòng để chẳng cho ai hay.

Sớm mai, ông căn dặn bà vợ ở nhà chăm nom chu đáo đứa con kia. Đúng giờ Thìn, ông lên ngựa ra đi.

Thời gian biến biệt có dễ đến mấy đời sau, người ta mới lần theo được dấu tích người con trai đầu lòng của quan thượng Lê Tung thuở nào. Nay ông đã thành ông tổ họ Phạm ở miền trong bên sông *Hát*. Và đã đời đời phát quận công.

Nhưng rồi đến đời vị quận công nọ, tính ông cương trực lắm. Bao giờ vào triều ông cũng thẳng thắn bày tỏ chính kiến của mình để giúp vua trị nước. Mỗi lần vào chầu là vua thấy sợ. Mà không vào thì vua lại nhớ. Thế rồi một lần, ông phủ quyết sự khuất tất của viên quan họ Trương trước triều đình văn võ. Viên quan nọ mang lòng thù oán. Ông ta liền mật tâu với nhà vua rằng: “Thần được biết ngôi mộ tổ của Phạm quận công được an táng ở thế đất rồng chầu hổ phục. Theo phép phong thủy thì thế đất ấy sẽ phát tới mười tám đời quận công. Thừa bệ hạ. Thần trộm nghĩ. Nếu bệ hạ chẳng sớm về triệt long mạch ngôi mộ ấy thì e có ngày họ Phạm sẽ chạm tới ngai vàng”. Nhà vua cho là phải. Liền chọn ngày lành tháng tốt vua vi hành về quê Phạm quận công. Vua hạ giá bên đường thiên lý, rồi Người thông dong dạo bước. Quả là núi sông hùng vĩ, cảnh trí hữu tình. Nhà vua liền cho dựng cung quán. Mở tiệc khoản đãi đầu làng.

Sau bữa tiệc, vua chu cấp lương ăn rồi truyền cho dân trong vùng nội trong ba ngày đêm phải đào cho xong một con sông nhỏ chạy cắt qua đầu làng họ Phạm nối thông hai khúc dòng sông *Hát*.

Con sông *Đào* thuở ấy đến nay vẫn còn nguyên vẹn.

(Theo cụ Lại Xuân Huyền thôn Chăm và truyện kể dân gian của nhân dân làng Chảy xã Liên Thuận, Thanh Liêm - Hà Nam).

CÁI TẾT CỦA LÊ TUNG

Đêm ấy, đã khuya lắm rồi. Ngoài trời tối đen như mực.

Gió bắc rít qua vườn cây, qua khe cửa đưa cái rét tê tái vào trong nhà. Ngoài đồng, sóng nước vỗ bì bọp vào tận chân tre sau vách. Lão bộc không sao ngủ được. Đã mấy lần vén màn nhìn ra nhà ngoài mà vẫn thấy quan thừa tuyên Lê Tung vẫn với cây đèn dầu bên án thư, ngồi cặm cụi viết. Không biết quan viết những gì mà đã bao ngày đêm vẫn miệt mài như thế.

Lão Bộc đã quen lệ, cứ tối đến, xong công việc là chợp một giấc. Để rồi canh chùng trở dậy bấm quan đêm đã sang canh mấy, ý muốn nói xin mời quan hãy nghỉ.

Lần này thì lão Bộc mạnh dạn động cửa vào đứng bên bàn viết của quan mà rằng:

- Dạ, bẩm quan. Đêm đã khuya lắm rồi. Chùng sắp sang canh.

- Ừ. Ta còn nhiều việc phải làm lắm. Không vậy thì bao giờ mới xong được. Bây giờ là canh mấy mà đã khuya rồi nào?

- Dạ. Bẩm quan. Sắp giao thừa rồi ạ!

- Sắp giao thừa rồi?! - Quan thừa tuyên sùng sốt. Ngài bỏ cây bút lông xuống. Ngồi ngay người lên, nhìn vào lão Bộc nói:

- Giao thừa đêm nay, lão thử xem nhà ta có những gì.

- Dạ, bẩm quan. Nhà chỉ còn lưng hũ gạo và nửa đấu vừng thôi ạ.

Nói đoạn, lão Bộc đưa khăn chấm nước mắt.

- Kìa. Sao lão lại khóc?

- Dạ, bẩm quan. Mấy hôm giáp tết, con thấy thiên hạ mang lễ lạt đến tết quan nhiều thứ, có cả tiền bạc. Mà quan chẳng nhận của ai thứ gì.

- Ô. Đáng lẽ chúng mình phải lấy đấy làm vui chứ sao lại khóc?

- Dạ, bẩm quan. Nhưng người đời lại đồn nhảm. Đã là quan thì...

- Lão chưa rõ hết lòng ta sao? Này nhé. Họ đến với ta, đều là những kẻ khốn cùng, oan trái, tai bay, vạ gió. Ta coi giấy oan cho họ, là bổn phận của ta. Nhẽ lòng nào... À, mà thôi. Lộc vua ban cho thấy trò mình thế cũng đủ rồi. Hãy còn có gạo, có vừng để ăn. Trong thiên hạ đang còn biết bao nhiêu nhà chưa biết trông vào đâu mà sống cho qua ngày. Thôi. Lão hãy đi thổi cơm rang vừng. Cúng tất niên. Để thầy trò ta cùng đón xuân sang.

(Theo Đoàn Tùng, nguyên nhà nghiên cứu sưu tầm văn hóa dân gian Hà Nam Ninh và ông Nguyễn Đình Lâu thôn Lau - Liêm Thuận).

ĐƯỜNG QUAN THƯỢNG

Năm ấy, quan Thừa Tuyên xứ Lê Tung từ Thanh Hóa ra kinh thành Thăng Long. Qua xứ Sơn Nam, ông có ghé về quê cũ làng Yên Cừ. Đến tổng Động Xá, ông gửi ngựa vào trạm, rồi với viên lính theo hầu, cả hai cùng vận tiện y, vải bố nâu sồng, vai khoác tay nải xanh lam, thùng thủng về làng.

Có bà cụ bán quán nước bên đường, tưởng chừng như hai chú Khách đem thuốc bán rao, liền bước ra mời chào. Thấy vậy, hai thầy tớ cùng ngả nón vào quán. Mái quán tranh tre vách đất vẹo xiêu. Hàng họ là vài thứ hoa quả lỏng chỏng quất queo trên chiếc chõng. Khi hai người khách yên vị, bà cụ cầm chiếc quạt mo cau đưa lên cho Lê Tung. Rồi lập cập bê chiếc ấm đất rót nước với vàng sánh vào hai bát nâu sành. Nhìn cử chỉ run rẩy, gầy guộc của bà cụ, quan thừa tuyên thấy chạnh lòng thương nhớ về bà ngoại mình.

Nâng bát nước với trên tay, cả một thời thơ ấu nơi thôn ổ năm xưa trở về... Ngày ấy, hai bà cháu cùng mở quán bán nước bên bờ sông La Giang cùng rau cháo qua ngày. Ông từ từ đặt bát nước xuống chõng rồi thư thả hỏi về gia cảnh chủ quán. Bà cụ móm mém phều phào: “Bẩm hai thầy, cái số già này vô phúc lắm. Thuốc đất cầm dùi cũng chẳng có. Con cái đi tha phương chết cả ngoài thiên hạ. Để lại già này lay lắt mãi. Cái ông giờ cũng ác, chẳng để lão chết cho rồi”.

Lê Tung ngồi lặng, mới từ xứ Thanh ra đến đây ông đã nhìn thấy bao cảnh dân tình dật dums nhau đi tha phương, chết

gục bèn đường. Cảnh làng nọ mới nghe tiếng đồn quan về mà già trẻ đã vội dất nhau đi ẩn trốn trong núi đá. Để lại cảnh làng âm đạm. Ông ngược nhìn phương Bắc, phía kinh thành, nơi lầu vàng điện ngọc, nhà Vua chỉ lấy ăn chơi xa xỉ, hoang dâm vô độ làm đầu, để trong nước dân tình điêu linh.

Ông thờ dài, lặng lẽ mở tay nải lấy ra một nén bạc, nói với chủ quán: “Chúng tôi không phải là chú Khách mà cũng chẳng phải dân buôn. Chỉ là người xa quê về thăm nhà. Cụ cũng như bà ngoại tôi năm xưa. Gọi là có chút lòng thành biểu cụ”. Bà cụ run run đưa hai tay nâng gói bạc mà miệng thì meo máo nói lời đa tạ.

Làng Yên Cừ kia rồi. Mặt trời đứng bóng. Nắng gay gắt mà dân đình làng ông làm gì lại cuộc cào, gậy gộc ùn ùn giữa đường thế kia? Đánh nhau án mạng không chừng. Ông gạt mồ hôi rồi bước tới. Dân đình hai bên mái hùm hổ, xô sát, họ gạt ông sang bên. Bỗng một ông lão nông đóng khố bện, lưng trần đầu vấn khăn mỏ rìu bước tới, quỳ sệt dưới chân ông, miệng lắp bắp “Quan đã về!” Ông cúi xuống nâng người ấy đứng dậy. Rồi bình tĩnh nhìn ông ta “Này - anh Nông có phải? Sao lại như vậy. Cứ coi tôi như ngày xưa. Cái thời mà chúng mình cùng lặn lội cua ốc xứ đồng này. Nào, làng có chuyện gì mà hỗn loạn thế?” À thì ra vậy. Có một cái cột mốc thời mà gậy gộc kéo bè. Đám đông bỗng ngừng bật. Mấy già làng lom khom bước tới, cúi đầu kính cẩn: “Lạy quan”. Ông đỡ tay các cụ rồi đồng dặc cùng mọi người: “Tôi xa quê lâu ngày. Nay có dịp về thăm. Xin bà con dân làng coi tôi như người thân thiết cùng ngõ xóm”. Đến lúc này dân hai làng mới được biết quan-nghè làng ta thuở ấy là đây. Ai nấy, nao nức, chen nhau nhìn quan mà lòng thấy dịu lại. Ông trù mển nhìn mọi người rồi nói tiếp: “Tôi tuy đã làm quan, nhưng ở nơi xa, bổng lộc chẳng là bao, chưa có dịp đền đáp quê nhà, xin bà con lượng thứ”.

Mọi người nhìn nhau rồi cùng ngồi xuống bãi cỏ nghe quan giảng giải rằng: “Dân hai thôn xưa nay vẫn cùng chung cây cấy một cánh đồng. Cùng thờ chung ngôi đình lớn, xuân thu nhị kỳ cùng tế rước xênh xang. Và lại còn phi nội tất ngoại, bà con hai làng vẫn sớm tối qua lại thăm nhau. Sao một việc nhỏ như vậy mà lại nở lòng”. Ai nấy im lặng. Ông hỏi một câu thật to: “Nào. Trai đình hai làng có đủ mặt dây không?” tiếng ọ ạt râm râm. Xin mỗi làng chọn cử một lực sĩ khỏe nhất và một cối đá nhất”. Mọi người thấy công việc ngô ngợ. Tuy chưa hiểu nhưng dân hai làng vui vẻ làm theo rất có khí thế. Mọi việc xong xuôi, quan mới nói: “Hai lực sĩ bê cối đá của mình đứng về 2 phía con đường này. Khi tôi hô, cả hai phải nhất loạt ôm cối đá chạy về giữa phần đất giao tranh. Ai chạy được đến đâu thì phần ruộng của làng ấy đến đấy. Được chưa. Nào...” Tiếng hò reo cổ vũ lực sĩ của 2 làng vang dậy cánh đồng. Rút cục giải ruộng tranh chấp vẫn còn nguyên vẹn. Ông tươi cười bước tới chính giữa rồi dừng lại. Khoát tay: “Chia đôi”. Mọi người nhìn nhau cho là phải, răm rắp làm theo vui vẻ.

Từ đấy, dân hai làng lại chung vui cấy cây trên cánh đồng này. Năm sau, ông cùng nhóm Nguyễn Văn Lang và Tôn Thất nhà Lê ở Thanh Hóa đã nổi quân ra kinh thành Thăng Long lật đổ Lê Uy Mục, một ông vua tàn bạo và dâm dăng. Lê Tương Dực lên ngôi Hoàng đế, Lê Tung được điều về kinh thành giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều. Nhân đó, ông làm tờ tâu lên Hoàng thượng xin gia tăng ruộng đất cho nông dân thả sức cấy cấy. Đức Vua chuẩn y. Ân huệ này đã thấm tận thôn cùng xóm vắng quê ông. Dân hai làng bảo nhau vun đắp con đường năm trước ông về. Cho tới ngày nay, dân làng vẫn gọi là đường Quan Thượng.

*Chuyện kể dân gian của nhân dân làng Cháy,
xã Liêm Thuận - huyện Thanh Liêm - Hà Nam.*

NAM CHÂU TAM KIỆT⁽¹⁾

Theo Tam Đương tộc phả⁽²⁾ (Phạm Văn Nghị, quan học sĩ, động chủ liên hoa, viết: Ông Phạm Bảo và Phạm Đạo Phú với An Cừ tiến sỹ Lê Tung là ba người bạn chí thân (Lê Tung, bấy giờ còn có tên là Dương Bang Bản) cả ba cùng học Tế Mĩ tiên sinh quê ở Lại Xá. Sự học hành của ba người không hơn kém nhau bao nhiêu, thầy thường khen là: “Nam châu tam kiệt”. Thầy nói: “Anh Dương văn chương đi sâu về sự chân thực mà sâu sắc, giúp cho đời gìn giữ mỹ tục thuần phong. Hai anh Phạm thì văn chương hoa mỹ, có dũng khí nhưng không toại nguyện”. Sự tiên đoán đó có đúng với cuộc đời sau này của ông hay không?

Phạm Bảo (1456 - 1497) đỗ Đệ giáp xuất thân (1487) đời Lê Thánh Tông. Giỏi văn chương lại giỏi võ nghệ, am tường binh pháp. Được xếp vào hàng tướng võ, làm phó đô đốc, trông coi việc quân trong triều. Thuở ấy quân Chiêm Thành quấy phá. Vua Lê Thánh Tông thân cầm quân thân đi dẹp giặc, cử Phạm Bảo đi hộ giá. Trong chuyến đi này có Lê Tung giữ chức Tham tướng quân lương hướng sự.

Qua ba lần giao chiến với quân Chiêm đều thắng lớn. Nhưng không may trận cuối Phạm Bảo hy sinh, Lê Tung được nhà vua sai đưa linh cữu Phạm Bảo về quê để an táng.

Phạm Đạo Phú (1463 - 1539) đỗ tam giáp tiến sỹ niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490) là thành viên hội tao đàn do Lê Thánh Tông làm chủ soái Hội có 28 người, ứng với 28 vì sao gọi là Nhị thập bát tú. Phạm Đạo Phú được đặt vào ngôi sao

thứ 27. Tức là ngôi sao Dực, một trong hai ngôi sao thuộc khu vực địa giới Việt Nam. Sáng tác chủ yếu là tập “Quỳnh uyển cừ ca”, nổi tiếng.

Lê Tung (1452 -) đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ, niên hiệu Hồng Đức 15. Từng làm quan trải 5 triều vua. Từng giữ chức chánh sứ sang nhà Minh, thượng thư bộ lại, thượng thư bộ lễ, Đông các đại học sĩ, Kiêm quốc tử giám tế tửu. Là tác giả cuốn “Việt giám thông khảo tổng luận” nổi tiếng với muôn đời, được đưa vào phần mở đầu cho Bộ sử “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Thế rồi từ thời vua Lê Uy Mục, Lê Tương Dực, triều đình mãi ăn chơi sa đọa, thích làm điều tàn ác. Quan lại mặc sức tung hoành ngang ngược nổi loạn khắp nơi. Khuyên can vua chẳng được, Phạm Đạo Phú đành treo ấn từ quan, về quê dạy học.

Trước ngày ra về, tiến sĩ Phạm Đạo Phú có đến chào tiến sĩ Lê Tung. Lê Tung có bài thơ tiễn bạn:

“Kim nhật quân hữu quán
Giang bích ngã biệt quân
Nhị nhân tương đối ngữ
Tái hộ vị tri tuần
Nam bắc phân đồ khứ
Duy cần từ quý xuân
An dân như bốc đắc
Nhạn tín thỉnh truyền nhân

Tạm dịch:

Hôm nay bác trở lại quê
Bên sông từ biệt nào nề làm sao
Gạn gùng biết ước khi nào
Là ngày hội ngộ mà trao thư từ
Bác Nam chia ngã chân chừ

Chúc cho nhau được bốn mùa về xuân
Kế hay nghĩ được vì dân
Tin nhận xin chuyển chân tâm đến cùng

Cảm kích tấm lòng chân tình của bạn, Phạm Đạo Phú có thơ họa lại:

Tiên bóc đường hồi quán
Lâm tuyên ngã biệt quân
Kinh sư tông thủy khứ
Nan báo hữu lại tuần
Thể nhược hà năng đảm
Kính tùng hiện văn xuân
Thỉnh tương trung hiếu niệm
Huấn hậu kế tâm chân

Tạm dịch:

Chóng chầy đã liệu cũng về
Dùng dằng tới bến nào nề biệt ly
Kinh sư chia rẽ đường đi
Khó cho nhau biết đến kỳ gặp nhau
Vì tôi hay ốm hay đau
Trông gương đã thấy mái đầu bạc phơ
Hiếu trung xin dạy trẻ thơ
Giữ gìn chí hướng tôn thờ từ xưa

*Theo thân phả đền quan nghè và Tam đấng tộc phả
thôn Phạm Xá - huyện Ý Yên - Nam Định*

(1) Nam châu tam kiệt: Ba vị hào kiệt xứ nam

(2) Tam Đấng tộc phả: Gia phả họ Phạm của Hoàng giáp tam đấng Phạm Văn Nghị (1805 - 1884) người thôn Phạm Xá - xã Yên Nhân - huyện Ý Yên - Nam Định.

TẬP THƠ CHỮ HÁN
“GIANG HỒ CHÍ SỰ”